

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI TIỂU BỘ 1 & 3

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	21
1 Quan điểm - 2 quan điểm Chấp chặt và Đi quá trớn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352	26
2 Quay đầu lại là bờ - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412.....	29
3 Que lửa cháy đỏ hai đầu, ở giữa lại đánh phân - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419.....	39
4 Quy y tối thượng - Ai dùng chánh tri kiến, Thấy được Bốn Thánh đế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67	41
5 Quy y ấy không ổn, Không quy y tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67.....	45
6 Quyết chí tu hành - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471	49
7 Quá khứ - Do lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34	63
8 Quá khứ - Do lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33	65

- 9 Quá khứ - Do nghiệp quá khứ nên sanh trong...
- Kinh Suppiya – Tiểu III, 42 66
- 10 Quá khứ ta không có, Tương lai, hiện tại không
- Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370 67
- 11 Quá trình tu chứng - Con đường Thánh tám
ngành - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45 73
- 12 Quá trón - Chấp chặt và Đi quá trón - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352 75
- 13 Quán - 2 pháp cần tùy quán - Kinh Hai Pháp Tùy
Quán - Tiểu I, 678.....78
- 14 Quán - An trú thiền quán và chứng quả - Kinh
Usabha – Tiểu III, 173 97
- 15 Quán - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền
quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu
III, 328 99
- 16 Quán - Chứng 6 thắng trí khi phát triển thiền
quán - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31 103
- 17 Quán - Chứng Sáu thắng trí khi tu thiền quán -
Kinh Lomasakangiyà – Tiểu III, 36 104

- 18 Quán - Chứng Sáu thắng trí khi tu thiền quán - Kinh Matanga Putta Con Của Màtanga – Tiểu III, 195 106
- 19 Quán - Chứng Sáu thắng trí với thiền quán - Kinh Gotama – Tiểu III, 207 108
- 20 Quán - Chứng quả khi Triển khai thiền quán - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9 110
- 21 Quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38.....113
- 22 Quán - Chứng quả khi phát triển thiền quán - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27 115
- 23 Quán - Chứng quả khi phát triển thiền quán - KinhAjita – Tiểu III, 30.....117
- 24 Quán - Chứng quả khi triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92 118
- 25 Quán - Chứng quả khi đạt đến thiền quán - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144.....120
- 26 Quán - Chứng quả nhờ Thiền quán - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19 122
- 27 Quán - Chứng quả nhờ Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16.....124

- 28 Quán - Chứng quả nhờ triển khai thiền quán - Kinh Sīha – Tiểu III, 93.....126
- 29 Quán - Cách quán khi gặp nạn - Kinh Uttara – Tiểu III, 127 128
- 30 Quán - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325 131
- 31 Quán - Do quán không, vô tướng, Ta đạt quả mong muốn - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567.....134
- 32 Quán - Dù bị bệnh vẫn phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39.....136
- 33 Quán - Dục vọng tàn công, thiền quán và chứng quả - Kinh Uttarapāla – Tiểu III, 205 138
- 34 Quán - Khai triển thiền quán và chứng quả - Kinh Rohinī – Tiểu III, 661 140
- 35 Quán - Khi đã được nhất tâm, Chơn chánh thiền quán pháp - Kinh Mahā Kassapa – Tiểu III, 466 146
- 36 Quán - Như lý tư duy nhiếp phục sắc dục và chứng quả - Kinh Rājadatta – Tiểu III, 230 .159

- 37 Quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212 162
- 38 Quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211 164
- 39 Quán - Nhờ nhiệt tâm thiền quán, Chứng quả Bất Lai - Kinh Anopanà – Tiểu III, 618.....166
- 40 Quán - Phát triển thiền quán chứng Thắng trí thứ sáu - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342.....168
- 41 Quán - Phát triển thiền quán các dục và chứng quả - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120.....172
- 42 Quán - Phát triển thiền quán khi bị quở trách - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174 174
- 43 Quán - Phát triển thiền quán khi gặp nạn và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 127.....176
- 44 Quán - Phát triển thiền quán khi tâm được Tĩnh chỉ - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168179
- 45 Quán - Phát triển thiền quán trên thiền định và chứng quả - Kinh Migasìra – Tiểu III, 163 ..181
- 46 Quán - Phát triển thiền quán tuổi già và chứng quả - Kinh Città – Tiểu III, 558.....184

- 47 Quán - Phát triển thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Phussa – Tiểu III, 437 185
- 48 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anupama – Tiểu III, 186 193
- 49 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 195
- 50 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224 203
- 51 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Gahvaratìrya – Tiểu III, 41 206
- 52 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216.....207
- 53 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162.....209
- 54 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65 211
- 55 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67 213
- 56 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 215

- 57 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Malitavambha – Tiểu III, 112.....217
- 58 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Mànava – Tiểu III, 85 219
- 59 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Paccaya – Tiểu III, 191.....221
- 60 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Piyanjaha – Tiểu III, 87 223
- 61 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Ratthapàla – Tiểu III, 385.....225
- 62 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Ràhula – Tiểu III, 221.....233
- 63 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Singàlar Pitar – Tiểu III, 28.....235
- 64 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Sirimanda – Tiểu III, 280 237
- 65 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Somamitta – Tiểu III, 142.....239
- 66 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh
Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171 241

- 67 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684243
- 68 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – Tiểu III, 692 251
- 69 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232 261
- 70 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52 263
- 71 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sundàri – Tiểu III, 674 265
- 72 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sànu – Tiểu III, 53 275
- 73 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Tissa – Tiểu III, 146.....278
- 74 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 152 280
- 75 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243 282
- 76 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 209 286

- 77 Quán - Phát triển thiền quán về bệnh đau mắt và
kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102 288
- 78 Quán - Phát triển thiền quán về chế ngự căn -
Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375.....291
- 79 Quán - Phát triển thiền quán về con khi tâm và
chứng quả - Kinh Valliya – Tiểu III, 131.....297
- 80 Quán - Phát triển thiền quán về hộ trì căn và
chứng quả - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 392
.....299
- 81 Quán - Phát triển thiền quán về khổ và chứng
quả - Kinh Mẹ Của Sumangala – Tiểu III, 556
.....306
- 82 Quán - Phát triển thiền quán về nguy hiểm của
dục và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107
.....308
- 83 Quán - Phát triển thiền quán về thân và chứng
quả - Kinh Vitāsoka – Tiểu III, 156 310
- 84 Quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng
trí - Kinh Brahmàli – Tiểu III, 180 312
- 85 Quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng
trí - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166.....314

- 86 Quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng trí - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183.....316
- 87 Quán - Phát triển thiền quán, chứng quả lúc bảy tuổi - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288.....318
- 88 Quán - Phát triển thiền quán, nhờ thiền Định - Kinh Nanda – Tiểu III, 148 321
- 89 Quán - Quán chán nản dục vọng - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 323
- 90 Quán - Quán sự nguy hiểm của đời thế tục - Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250 329
- 91 Quán - Quán tánh vô thường và chứng quả - Kinh Bài Kệ Này Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên – Tiểu III, 540.....332
- 92 Quán - Quán vô thường và chứng quả - Kinh Ambapàlì – Tiểu III, 655 334
- 93 Quán - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284.....341
- 94 Quán - Thiền quán khi bị ngã và chứng quả - Kinh Dhammà – Tiểu III, 552 344

- 95 Quán - Thiền quán khi vợ củ đến và chứng quả
- Kinh Candana – Tiểu III, 222 345
- 96 Quán - Thiền quán khi định tự sát và chứng quả
- Kinh Sìha – Tiểu III, 582 347
- 97 Quán - Thiền quán năm uẩn và chứng quả - Kinh
Mittakali – Tiểu III, 588 350
- 98 Quán - Thiền quán sau khi chế ngự buồn ngủ,
chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212 352
- 99 Quán - Thiền quán sau khi đoạn tận kiêu mạn và
chứng quả - Kinh Harita – Tiểu III, 208.....354
- 100 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Bhaddà
Thuộc Dòng Họ Kapllà – Tiểu III, 577 356
- 101 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Isidàsi
– Tiểu III, 703 358
- 102 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh
Nandaka – Tiểu III, 215.....371
- 103 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Sakulà
– Tiểu III, 590 373
- 104 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Sielà –
Tiểu III, 573 375

105 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Somà – Tiểu III, 575	377
106 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571	379
107 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716	382
108 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Ubirì – Tiểu III, 569	401
109 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Upàli – Tiểu III, 203	404
110 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624	406
111 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Vāsītthi – Tiểu III, 611	408
112 Quán - Thiền quán và chứng quả vào ngày thứ bảy - Kinh Sela – Tiểu III, 399.....	411
113 Quán - Thiền quán về sự nguy hiểm của các dục và chứng quả - Kinh Eraka – Tiểu III, 100 ..	419
114 Quán - Thiền quán, chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189	421

- 115 Quán - Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281.....423
- 116 Quán - Triển khai thiền quán khi mẹ dụ về - Kinh Atuma – Tiểu III, 84.....426
- 117 Quán - Triển khai thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83 ...427
- 118 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109.....429
- 119 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79.....431
- 120 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88.....433
- 121 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636 435
- 122 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94.....438
- 123 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73.....440
- 124 Quán - Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74.....442

125 Quán - Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78	444
126 Quán - Trời mát, tâm định, thiền quán, chứng quả - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184	446
127 Quán - Tầm quan trọng của quán - Kinh Sumana – Tiểu III, 237	448
128 Quán - Đề tài Quán bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260	450
129 Quán - Đề tài thiền quán - Bốn Sự Thật - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20.....	453
130 Quán - Đề tài thiền quán - Bốn sự thật - Kinh Gotama – Tiểu III, 331	455
131 Quán - Đề tài thiền quán - Bộ xương người - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28.....	458
132 Quán - Đề tài thiền quán - Giới hạnh - Kinh Ujjiaya – Tiểu III, 58	460
133 Quán - Đề tài thiền quán - Giới luật - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32	461
134 Quán - Đề tài thiền quán - Giới luật - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32	462

- 135 Quán - Đề tài thiền quán - Giới luật - Kinh
Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88.....464
- 136 Quán - Đề tài thiền quán - Nghĩa địa - Kinh
Mahàkàla – Tiểu III, 145 466
- 137 Quán - Đề tài thiền quán - Sự kiện về con bò -
Kinh Nandaka – Tiểu III, 158.....468
- 138 Quán - Đề tài thiền quán - Sự nguy hiểm của dục
vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89 470
- 139 Quán - Đề tài thiền quán - Thân bất tịnh - Kinh
Sìla Vaniya – Tiểu III, 16 472
- 140 Quán - Đề tài thiền quán là Giới hạnh - Kinh
Sumana – Tiểu III, 237 473
- 141 Quán - Đề tài thiền quán là Hàm răng - Kinh
Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286 475
- 142 Quán - Đề nhất thiền quán - Trưởng lão ni - Kinh
Khemà – Tiểu III, 613 478
- 143 Quán Bất Tịnh - Kinh Ba Mươi Hai Phần - Tiểu
I, 10 482
- 144 Quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán
- Kinh Vangisa – Tiểu III, 516 483

145 Quán bất tịnh - Ai sống quán bất tịnh, Khéo hộ trì các căn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32.....	507
146 Quán bất tịnh - Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407	512
147 Quán bất tịnh - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325	514
148 Quán bất tịnh - Gương nhiếp phục dục - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281	517
149 Quán bất tịnh - Hãy từ bỏ tịnh tướng, Tu tập tâm bất tịnh - Kinh Ràhula - Tiểu I, 571	520
150 Quán bất tịnh - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385.....	523
151 Quán bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260...	531
152 Quán bất tịnh - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499	534
153 Quán bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215	551
154 Quán bất tịnh - Kinh Sìla Vaniya – Tiểu III, 16	553

155 Quán bất tịnh - Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526	554
156 Quán bất tịnh - Trưởng lão ni - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584	557
157 Quán dục - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716...560	
158 Quán khổ - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716...579	
159 Quán khổ - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187.....598	
160 Quán năm uẩn - Vòng sanh tử đoạn tận - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98.....	600
161 Quán năm uẩn - Đoạn sanh tử luân hồi - Kinh Pavitttha – Tiểu III, 96.....	602
162 Quán năm uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32	603
163 Quán sanh diệt của năm uẩn - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598	605
164 Quán sanh diệt trong năm uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32.....	612
165 Quán sắc đẹp - Như bị lời trù yếm, Tuổi già đến áp đảo - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123.....	614

- 166 Quán thân - Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157.....616
- 167 Quán thân - Thân được thấy trống rỗng, Chìm tối trong đêm đen - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156.....618
- 168 Quán tánh vô thường của sự vật, thiên quán, chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211 620
- 169 Quán tâm từ - Kinh Từ Bi - Tiểu I, 506 622
- 170 Quán vô thường - Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407 626
- 171 Quán vô thường - Khuyến không nên phóng dật - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280 628
- 172 Quán vô thường - Kinh Mahàkàla – Tiểu III, 145 631
- 173 Quán vô thường - Như bị lời trù yểm, Tuổi già đến áp đảo - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123...633
- 174 Quán vô thường - Thời Đức Phật Sikhí - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188.....635

- 175 Quán vô thường - Vô thường, những ngôi nhà,
 Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III,
 165.....637
- 176 Quán vô thường - Đêm ngày chạy, trôi qua,
 Mạng sống bị tổn giảm - Kinh Herannakàni –
 Tiểu III, 141 639
- 177 Quán vô thường trên thân - Kinh Ambapàlì –
 Tiểu III, 655 641
- 178 Quán vô thường và đau khổ - Kinh Sundarì
 Nandà – Tiểu III, 584 648
- 179 Quán xác chết, bị dục khởi, nhiếp phục và chứng
 quả - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230 651
- 180 Quét rác - Trưởng lão Sunìta - Kinh Sunìta –
 Tiểu III, 342 654
- 181 Quạt - Cầm một cái quạt có sơn màu và thuyết
 pháp - Kinh Sirimitta – Tiểu III, 302.....658
- 182 Quả Dự Lưu tối thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I,
 65.....661
- 183 Quả trách - Làm biếng bị Phật quả trách - Kinh
 Vaddhamàna – Tiểu III, 49.....664

184 Quở trách do làm biếng, ngủ nhiều - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27	665

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Quan điểm - 2 quan điểm Chấp chặt và Đi quá trớn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 352 (Duk. II, 12) (It. 43)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, chư Thiên và loài Người **bị xâm chiếm bởi hai tà kiến**, một số người chấp chặt, một số người đi quá trớn, một số người có mắt thấy được.*

*Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người chấp chặt**?*

Này các Tỷ-kheo, có chư Thiên và loài Người ưa muốn sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có phần khởi, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người chấp chặt.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người đi quá trớn**?*

Nhưng có một số người lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ, phi sanh hữu. Họ nói: "Vì rằng

khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt đứt, bị hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chân thật". Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn.

Và này các Tỷ Kheo, thế nào là một số có mắt được thấy?

Ở đây, Tỷ-kheo thấy sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thấy sự sanh hữu, vì ấy hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Những ai đã thấy được
Sanh hữu là sanh hữu,
Thấy được sự vượt qua
Của sự sanh hữu ấy.
Những vị ấy giải thoát,
Đối như thật hiện hữu,
Vì nhờ đoạn diệt được
Tham ái đối sanh hữu.
Nếu vị ấy liễu tri,
Sanh hữu là sanh hữu,
Vị ấy ly tham ái
Đối hữu và phi hữu,
Tỷ-kheo quyết phi hữu,
Đối với chính sanh hữu,*

*Sẽ không còn đi đến
Sanh đi rồi sanh lại.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

2 Quay đầu lại là bờ - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khi được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thời cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gây trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.

869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liên quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.

870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi
nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chặn lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỳ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

3 Que lửa cháy đổ hai đầu, ở giữa lại đính phân - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 419 (Tik.
V, 2) (It. 89)

Này các Tỷ-kheo, nghĩa này là **nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khất thực**. Này các Tỷ-kheo, danh từ nhiếc mắng ở trong đời là nói rằng: "Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi nơi". Tuy vậy chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những người sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ấy vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ, vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống; **nhưng vì nghĩ rằng**: "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị khổ tràn đầy, bị khổ chinh phục. Rất có thể, một số phương pháp chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể trình bày".

Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này xuất gia như vậy, **tham** ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại.

Này các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lấm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng. Này các Tỷ-kheo, **Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh.**

Tài sản ở gia đình,
Được đoạn tận từ bỏ,
Nhưng khó dự phần được,
Mục đích Sa-môn hạnh,
Tự đưa đến tổn hại,
Và đưa đến tán loạn,
Giống que lửa thiêu xác,
Đi đến chỗ hoại vong.
Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Chảy đỏ, một cục lửa,
Nếu kẻ hành ác giới,
Ăn đồ ăn quốc độ,
Không biết có chế ngự.

4 Quy y tối thượng - Ai dùng chánh tri kiến, Thấy được Bốn Thánh đế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

5 Quy y ấy không ổn, Không quy y tôi thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế.**"

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

6 Quyết chí tu hành - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo **thân ái**,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. **Do lòng từ thương mến,**
Đối bạn bè thân hữu,
Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,
Do thấy sợ hãi này,
Trong giao du mật thiết,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,
Đối với **con** và **vợ**,
Người ấy bị buộc ràng,
Như cành tre râm rạp,
Còn các ngọn tre cao,
Nào có gì buộc ràng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

39. ***Như nai trong núi rừng,***
Không gì bị trói buộc,
Tự đi chỗ nó muốn,
Để tìm kiếm thức ăn.
Như các bậc Hiền trí,
Thấy tự do giải thoát,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

40. ***Giữa bạn bè thân hữu,***
Bị gọi lên gọi xuống,
Tại chỗ ở trú xứ,

*Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,
Cũng như các gia chủ,*

Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

44. Tì bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

45. Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
**Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.**

46. Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,

Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bác không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

48. *Thấy đồ trang sức vàng,
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

49. *Như vậy nếu ta cùng,
Với một người thứ hai,
Tranh luận cãi vã nhau,*

Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trường dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trường dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,
Gió thổi, ánh mặt trời.

Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,
Đạt được **quyết định tánh**,

*Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

57. Với **bạn bè độc ác**,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều tri pháp,
Hãy gần gũi người ấy,
Bạn người tâm rộng lớn,*

*Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,
Vị ngọt thật ít oi,*

*Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trời buộc,
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

63. *Vội mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,
Như loại cây san hô,*

Loại bỏ các hành lá.

Đã đắp áo cà sa,

Xuất gia bỏ thế tục,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

65. **Không tham đắm các vị,**

Không tác động, không tham,

Không nhờ ai nuôi dưỡng,

Chỉ khát thực từng nhà.

Đối với mọi gia đình,

Tâm không bị trói buộc,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

66. **Từ bỏ năm triền cái;**

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. **Hãy xoay lưng trở lại,**

Đối với **lạc** và **khổ**,

Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Dũng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,
Sống hạnh không phóng dật,

Không đàn động tâm ngọ,
Nghê nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bạc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,
Bi tâm, hạnh giải thoát,

Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham ái,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

7 Quá khứ - Do lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Nếu Nhà ngươi muốn chống,
Hỡi này kẻ Quỷ đen!
Ngươi đi đến đau khổ.*

8 Quá khứ - Do lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – *Tiểu III*, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy **pháp tánh** các pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

9 Quá khứ - Do nghiệp quá khứ nên sinh trong... - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42

Suppiya – Tiểu III, 42 (32)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sinh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sàvatthi.

Được bạn Sopàka thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất. Và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán.

*32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được,
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.*

10 Quá khứ ta không có, Tương lai, hiện tại không - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm** không khổ,
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

11 Quá trình tu chứng - Con đường Thánh tám ngành - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45

Sàmannakàni – Tiểu III, 45 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thân thông song hành, và nhờ thiên, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kàtiyàna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. Kàtiyàna đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: *"Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hưởng sự an lạc thuần nhất này"*.

Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

*35. Kẻ tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng đắn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.*

*Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám ngành,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.*

12 Quá trốn - Chấp chặt và Đi quá trốn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 352 (Duk.
II, 12) (It. 43)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, chư Thiên và loài Người **bị xâm chiếm bởi hai tà kiến**, một số người chấp chặt, một số người đi quá trốn, một số người có mắt thấy được.*

*Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người chấp chặt**?*

Này các Tỷ-kheo, có chư Thiên và loài Người ưa muốn sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có phần khởi, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người chấp chặt.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người đi quá trốn**?*

Nhưng có một số người lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ, phi sanh hữu. Họ nói: "Vì rằng

khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt đứt, bị hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chân thật". Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn.

Và này các Tỷ Kheo, thế nào là một số có mắt được thấy?

Ở đây, Tỷ-kheo thấy sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thấy sự sanh hữu, vì ấy hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Những ai đã thấy được
Sanh hữu là sanh hữu,
Thấy được sự vượt qua
Của sự sanh hữu ấy.
Những vị ấy giải thoát,
Đối như thật hiện hữu,
Vì nhờ đoạn diệt được
Tham ái đối sanh hữu.
Nếu vị ấy liễu tri,
Sanh hữu là sanh hữu,
Vị ấy ly tham ái
Đối hữu và phi hữu,
Tỷ-kheo quyết phi hữu,
Đối với chính sanh hữu,*

*Sẽ không còn đi đến
Sanh đi rồi sanh lại.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

13 Quán - 2 pháp cần tùy quán - Kinh Hai Pháp Tùy Quán - Tiểu I, 678

Kinh Hai Pháp Tùy Quán – *Tiểu I*, 678

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Đông Viên, tại lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ, trong ngày trai giới Uposatha, vào ngày rằm, trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ, nay các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy do lý do gì các Thầy nghe những pháp ấy?

Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thể được hỏi như vậy, các Thầy có thể trả lời cho những người câu hỏi ấy như sau: "**Vì muốn có như thật trí đối với hai pháp**". Và nếu các Thầy nói: "Thế nào là hai?".

- "Đây là **khổ**, đây là **khổ tập**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "Đây là **khổ diệt**, đây là **con đường đưa đến khổ diệt**", đây là tỳ quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, như vậy do Tỷ-kheo chọn chánh tỳ quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được **chánh trí** ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả **Bất hoàn**.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

724. Ai không tuệ tri **khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vì ấy không biết đường,
Đưa đến khổ an tịnh.

725. Không có tâm giải thoát,
Không có tuệ giải thoát,
Vị ấy không có thể,
Đoạn tận sanh và già.

726. **Những ai tuệ tri khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy biết **con đường**,

Đưa đến khổ an tịnh.

**727. Đây đủ tâm giải thoát,
Với trí tuệ giải thoát,
Những vị ấy có thể,
Với trí tuệ giải thoát,
Đoạn tận sanh và già.**

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "*Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp, theo một pháp môn khác không?*"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *sanh y***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do sự đoạn diệt, ly tham, các sanh y không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

- Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

728. Chính do duyên sanh y,
Các khổ được sanh khởi,
Tất cả các khổ đau,
Sai biệt ở trên đời,
Ai chính do vô minh,
Tạo lên sự sanh y,
Kẻ ngu ấy gặp khổ,
Nối tiếp nhau sanh trưởng,
Do vậy vị hiểu biết,
Không tạo lên sanh y,
Tùy quán được hiện hữu,
Của sanh và của khổ.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp theo một pháp môn khác không?"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên vô minh**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được

chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chúng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

729. *Những ai tiếp tục rơi,
Dòng luân chuyển sanh tử,
Đến hữu này hữu khác,
Sanh thú do **vô minh**.*

730. *Vô minh này, đại si,
Đưa đến luân chuyển dài,
Chúng sanh, **minh** đạt được,
Không còn phải tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **các hành****", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chúng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

731. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên các hành,
Do đoạn diệt các hành,
Khổ không có hiện hữu.*

732. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên các hành,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Do phá hoại các tướng,
Như vậy, khổ được diệt,
Biết như thực là vậy.*

733. *Bậc Hiền trí chánh kiến,
Hiểu biết, với chánh trí,
Nhiếp phục Ma kiết sử,
Không đi đến tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *thức***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham *thức* không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

734. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả do duyên thức,
Vội thức được đoạn diệt,
Khổ không có hiện hữu.

735. Do biết nguy hiểm hày,
Khổ do duyên các thức,
Tỷ-kheo tịnh chỉ thức,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: ...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *xúc***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

736. Những ai, xúc chi phối,
Chạy theo dòng sanh hữu,
Những người hành tà đạo,
Xa vời diệt kiết sử.

737. Những ai liễu tri xúc,
Nhờ trí, thích an tịnh,
Do họ thắng tri xúc,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thọ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

738. Với lạc thọ, khổ thọ,
Hay bất khổ, bất lạc;
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.

739. Biết được đây là khổ,
Giả dối bị hủy hoại.
Thấy các xúc hoại diệt,
Như vậy, đây ly tham,

*Tỷ-kheo diệt các thọ,
Không dục ái, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **ái***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham ái** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chán tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*740. Người có ái bạn đường,
Bị luân chuyển dài dài,
Đến hữu này, hữu khác,
Luân chuyển không dừng nghỉ.*

*741. Do biết nguy hiểm này,
Chính ái tác thành khổ,
Ly ái, không chấp thủ,
Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:....

- "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thủ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thủ** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

742. Do duyên thủ, có hữu,
Do hữu, đi đến khổ,
Từ sanh nên có chết,
Đây hiện hữu của khổ.

743. Do vậy, bậc Hiền trí,
Diệt thủ, nhờ chánh trí,
Nhờ thắng trí sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **khởi xướng**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt ly tham khởi xướng** không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

744. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên khởi xướng,
Do đoạn diệt khởi xướng,
Khổ không có hiện hữu.*

745. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên khởi xướng,
Từ bỏ mọi khởi xướng,
Không khởi xướng, giải thoát.*

746. *Do đoạn tận hữu ái,
Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh,
Vượt khỏi sanh luân chuyển
Vị ấy không tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thức ăn***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham **thức ăn** không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

747. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên thức ăn,
Do đoạn diệt thức ăn,
Khổ không có hiện hữu.*

748. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên thức ăn,
Liễu tri mọi thức ăn,
Không y mọi thức ăn.*

749. *Nhờ chánh trí không bệnh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Thọ dụng các thức ăn,
Giác sát, trú Chánh pháp,
Vị đạt được trí tuệ,
Không rơi vào ước lượng.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **dao động***", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham dao động* không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

750. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên dao động,
Do đoạn diệt dao động,
Khổ không có hiện hữu.

751. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên dao động,
Do vậy, bỏ dao động,
Chận dừng lại các hành,
Không có gì chướng ngại
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khấp tất cả chân trời.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "***Ai có nương tựa, thì bị dao động***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Ai không có nương tựa, không bị dao động*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

752. *Không nương tựa, không động,
Nương tựa có chấp thủ,
Chấp hữu này, hữu khác,
Không chinh phục luân chuyển.*

753. *Sau khi rõ biết được,
Nguy hiểm tai hại này,
Trong các sự nương tựa,
Có sợ hãi lớn lao,
Không nương tựa y chỉ,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khấp tất cả chân trời.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Các pháp **vô sắc** an tịnh hơn các **sắc pháp***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Sự **đoạn diệt**, an tịnh hơn các pháp vô sắc*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

754. *Chúng sanh thuộc sắc giới,
Chúng sanh trú vô sắc,
Không tuệ tri đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.*

755. *Những ai liễu tri sắc,
Khéo an trú vô sắc,
Giải thoát trong đoạn diệt,
Họ từ bỏ sự chết.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là sự thật", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là hư vọng**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.*

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là hư vọng", cái ấy được các vị Thánh*

khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này là chân thật*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

756. *Hãy xem thế giới này,
Với thế giới chư Thiên,
Hoan hỷ với phi ngã,
An trú trên danh sắc,
Nghĩ rằng danh sắc này,
Là chân thật không nguy.*

757. *Dầu họ nghĩ thế nào,
Khi danh sắc đổi khác,
Danh sắc là hư vọng,
Giả dối sống tạm bợ.*

758. *Niết-bàn không hư nguy,
Bậc Thánh chân thật biết,
Họ thắng tri chân thật,
Không ái dục, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là an lạc", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là khổ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là khổ", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là lạc**", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư ý, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

759. Sắc, tiếng, hương, vị, xúc,
Tất cả những pháp này,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Khi nào chúng hiện hữu.

760. Thế giới với chư Thiên,
Xem chúng là khả lạc,
Khi chúng bị hoại diệt,
Mới thấy chúng là khổ.

761. *Bậc Thánh thấy là lạc,
Khi có thân đoạn diệt,
Đây hoàn toàn trái ngược,
Điều mọi giới được thấy.*

762. *Điều người khác gọi lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ,
Điều người khác gọi khổ,
Bậc Thánh biết là lạc,
Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ không thấy mê mờ.*

763. *Kẻ bị che, tối tăm,
Kẻ không thấy, tối mù,
Bậc thiện, được rộng mở,
Bậc thấy, được ánh sáng,
Kẻ ngu dẫu có gần,
Cũng không biết con đường,
Cũng không có thiện xảo,
Đối Chánh pháp Phật dạy.*

764. *Bị hữu tham chiến bại,
Bị trôi theo dòng hữu,
Rơi vào Ma chi phối,
Pháp này khó chánh giác.*

765. *Ai ngoài các bậc Thánh,*

*Xứng đáng **đạo chánh giác**.*

Do chánh trí đạo ấy,

Chứng vô lậu Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

14 Quán - An trú thiền quán và chứng quả - Kinh Usabha – Tiểu III, 173

Usabha – Tiểu III, 173 (159)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình một vị vua Sakka, được đặt tên là *Usabha*.

Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và sự sáng suốt của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia, nhưng ngài không làm các bốn phân của người tu hành, cả ngày giao du nhiều người, ban đêm thời lo ngủ.

Một hôm, với tâm tư hôn trầm phóng dật, ngài nằm ngủ, ngài mộng thấy ngài cạo đầu, đắp áo cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khát thực; tại đây, thấy quân chúng tụ tập đông đảo, ngài cảm thấy xấu hổ và xuống voi không ngồi nữa.

Ngài thức dậy, suy nghĩ: "*Vì sao, đây là con mộng hôn trầm và phóng dật, ta thấy ta nằm ngủ với tâm **ưu não***", ngài an trú **thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Như vậy lấy con mộng làm đề tài khích lệ, ngài dùng những bài kệ để nói lên chánh trí của ngài:

197. Vai đắp phủ tấm y,
Giống như màu bông xoài,
Ngồi trên lưng con voi,
Ta vào làng khát thực.

198. Từ lưng voi leo xuống,
Ta cảm nhận xúc động,
Trước ta rất ngạo mạn,
Nay ta thật lắng dịu,
Ta đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn diệt.

15 Quán - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến.**

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

16 Quán - Chứng 6 thắng trí khi phát triển thiền quán - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31

Nigrodha – Tiểu III, 31 (21)

Trong lời đức Phật tại thế, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sàvatthi.

Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia.

Khi **phát triển thiền quán**, ngài có thể đạt được **sáu thắng trí**. Suy tư đến sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này để tuyên bố chánh trí của ngài:

21. Đối với ta, sợ hãi
Không làm ta sợ hãi,
Thâm hiểu **đạo bất tử**,
Bậc Đạo Sư chứng ta,
Không tìm được chân đứng,
Ở đâu, sợ sợ hãi,
Chỗ ấy vị Tỷ-kheo,
Dẫn bước trên đường ấy.

17 Quán - Chứng Sáu thắng trí khi tu thiền quán - Kinh Lomasakangiya – Tiểu III, 36

Lomasakangiya – Tiểu III, 36 (27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là Lomasakangiya.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về "**Nhứt dạ hiền giả** - Bhaddekaratta", ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ.

Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,*

*Ta sẽ làm tăng trưởng,
Hạnh cô độc viên ly.*

Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia.

Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để **thiền quán**. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng **sáu thắng trí**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

18 Quán - Chứng Sáu thắng trí khi tu thiền quán - Kinh Matanga Putta Con Của Mâtanga – Tiểu III, 195

Matanga Putta Con Của Mâtanga – *Tiểu III*, 195 (174)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, **con một điền chủ** tên Mâtanga, và được gọi là con của Mâtanga.

Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các **thiền quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Từ đây, **ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần** của ngài với những bài kệ như sau:

230. *Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu,*

Lặng lẽ vượt trôi qua.

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,
Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.*

19 Quán - Chứng Sáu thắng trí với thiền quán - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – *Tiểu III*, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quỷ,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **sinh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

20 Quán - Chứng quả khi Triển khai thiền quán - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được

xem là vị Ty-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

21 Quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38

Hàrita – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị cơn **rắn** đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng"*.

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán**. **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài**, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,*

*Được thấm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

22 Quán - Chứng quả khi phát triển thiền quán - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẫn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

23 Quán - Chứng quả khi phát triển thiền quán - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một *ẩn sĩ* tu theo Bàvari, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

24 Quán - Chứng quả khi triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuần thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tứ tử xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,*

***Chớ khiến cho đời con,
Sầu muộn bị va chạm.***

Ngài suy nghĩ: "*Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền*".

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh **tấn** hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

25 Quán - Chứng quả khi đạt đến thiền quán - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144

Sabbamitta – Tiểu III, 144 (135)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Sabbamitta.

Chứng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thấy được uy nghi đức độ của đức Phật, xuất gia, lựa chọn một đề tài để thiền quán, ngài sống tại một khu rừng.

Sau mùa mưa, ngài đi đến Sàvatthi để đánh lễ đức Phật, trên đường đi, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy người thợ săn, con ***nai mẹ*** tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương con nai con nên không đi xa cũng không dám đến gần cái bẫy, con nai con lăn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: *"Ôi, tình thương đã đem lại sự đau khổ cho các loài hữu tình!"*.

Đi xa hơn nữa, ngài thấy nhiều tên cướp đang lấy rơm cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Người ấy la lên và vị Trưởng lão cảm thấy sầu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ để cho các tên cướp nghe.

149. *Người trói buộc vào người,
Người bám víu vào người,
Người bị người làm hại,
Và người làm hại người.*

150. *Lợi ích gì người ấy?
Hay con cháu người sanh?
Hãy bỏ người ấy đi,
Người làm hại nhiều người.*

Nói vậy, ngài **đạt đến thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Còn các tên cướp, nghe lời giáo giới của ngài, cảm thấy xúc động, từ bỏ thế tục, và thực hành Chánh pháp.

26 Quán - Chứng quả nhờ Thiền quán - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III, 19 (9)*

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. **Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.**

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chúng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

27 Quán - Chứng quả nhờ Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sila Vaniya – Tiểu III, 16

Sila Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

*6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.*

28 Quán - Chứng quả nhờ triển khai thiền quán - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

29 Quán - Cách quán khi gặp nạn - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

30 Quán - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng *Kappa* có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nồi thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

31 Quán - Do quán không, vô tướng, Ta đạt quả mong muốn - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567

Một Uttarà Khác – *Tiểu III 567 (31)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Kosala. Đến tuổi trưởng thành khi đang đi ở làng quê, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng **xuất gia, chứng được quả A-la-hán** với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên bài kệ:

45. ***Bảy pháp Giác chi** này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Tất cả ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.*

46. ***Do quán không, vô tướng,**
Ta đạt quả mong muốn,
Ta thành con gái Phật,
Sanh ra từ miệng Ngài,
Luôn luôn ta hoan hỷ.*

47. *Trong an lạc Niết-bàn,*

Mọi dục được đoạn diệt,
Dục trời và dục người,
Vòng sanh hữu đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

32 Quán - Dù bị bệnh vẫn phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,*

*Trong khi ta lâm bệnh,
Không phải thời phóng dật.*

33 Quán - Dục vọng tấn công, thiền quán và chứng quả - Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205

Uttarapàla – Tiểu III, 205 (181)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla.

Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học.

Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, **dục vọng** tấn công ngài, và **sau một thời chiến đấu tư tưởng mãnh liệt**, ngài chận đứng các phiền não, và **triển khai thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

*251. Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. **Sanh trong giới vực ma,**
*Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.*

253. *Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

34 Quán - Khai triển thiền quán và chứng quả - Kinh Rohinì – Tiểu III, 661

Rohinì – *Tiểu III*, 661 (67)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh ở Vesali trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là Rohinì (con bò đỏ, nâu).**

Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesali, nàng đến nghe pháp, chứng được quả **Dự lưu**. Rồi nàng giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép nàng xuất gia. Nàng **khai triển thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phụ thân, khi nàng mới chứng quả Dự lưu, nàng nói lên sự phân khởi của nàng với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

*271. Nàng chỉ cho ta thấy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng thức ta tỉnh dậy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng khen tặng Sa-môn,
Muốn thành nữ Sa-môn.*

272. Nàng tìm cho Sa-môn
Rất nhiều đồ ăn uống,
Này hỡi, Rô-hi-ni,
Sao nàng quý Sa-môn?

273. Họ nhác không thích làm,
Sống với đồ người cho,
Họ ham lợi thích ngọt,
Sao nàng quý Sa-môn?

274. Cha thân đã lâu rồi,
Cha hỏi về Sa-môn,
Con sẽ tán thán họ,
Tuệ giới hạnh tinh cần.

275. Họ thích làm không nhác,
Họ làm việc tối thắng,
Họ trừ bỏ tham sân,
Vì vậy con quý họ.

276. Ba cội gốc điều ác,
Họ quét sạch thanh tịnh,
Mọi điều ác đoạn tận,
Vì vậy con quý họ.

277. Thân nghiệp họ trong sạch,

Khẩu nghiệp họ cũng vậy,
Ý nghiệp họ trong sạch,
Do vậy con quý họ.

278. Không cầu uế giải thoát,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên trong,
Trong sạch cả bên ngoài,
Công đức họ trắng tinh,
Do vậy con quý họ.

279. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Họ thuyết nghĩa thuyết pháp,
Do vậy con quý họ.

280-281. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Nhứt tâm giữ chánh niệm,
Lời sáng suốt khiêm nhường
Họ chấm dứt đau khổ,
Do vậy con quý họ.

282. Từ làng họ ra đi,
Không nhìn ngó vật gì,
Họ đi không mong chờ,
Do vậy con quý họ.

283. Không tìm cầu kho tàng,
Không kho chứa, kho cất,
Họ tầm cầu cứu cánh,
Do vậy con quý họ.

284. Họ không nắm giữ tiền,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Họ sống với hiện tại,
Do vậy con quý họ.

285. Từ gia đình quốc độ,
Họ xuất gia khác nhau,
Nhưng họ thương kính nhau,
Do vậy con quý họ.

286. Hỡi này Rô-hi-ni,
Nàng sanh trong gia đình,
Nàng đem lại hạnh phúc,
Cho gia đình chúng tôi,
Nàng tin Phật, Pháp, Tăng,
Lòng tín kính sắc bén.

287. Nàng biết rõ cái này,
Là ruộng phước vô thượng,
Chúng tôi cùng tín kính,
Các vị Sa-môn này,

*Tế đàn thiết lập đây,
Đối với tôi rất lớn.*

*288. Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Hãy quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận giới đức,
Cha sẽ được hạnh phúc.*

*289. Tôi quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi chấp nhận giới luật,
Tôi sẽ được hạnh phúc.*

*290. Lúc trước ta chỉ là,
Bà con của Phạm thiên,
Nay ta thật chính là,
Một vị Bà-la-môn,
Ta chứng đạt **Ba minh**,
Được an toàn yên ổn,
Ba Vệ-đà chứng ngộ,
Ta tắm rửa thật sạch.*

Và vị Bà-la-môn sau khi thọ quy y và các giới, xin
xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng

quả của mình, vị này nói lên những câu kệ cuối cùng
để tỏ lộ sung sướng của mình.

35 Quán - Khi đã được nhất tâm, Chơn chánh thiền quán pháp - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtitttha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đóng rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương**.

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bấp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa đồng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

*Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.*

*1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.*

*1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.*

*1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.*

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiên tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

36 Quán - Như lý tư duy nhiếp phục sắc dục và chứng quả - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – *Tiểu III, 230* (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Ràjagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Ràjadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. **Thực hành hạnh đầu đà**, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm

muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp. Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đôi tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khốn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trời.*

316. *Mau hơn cơm sôi trào,
Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giấc,
Ta đến, ngồi một bên.*

317. ***Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

318. *Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba mình chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

37 Quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – Tiểu III, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đây để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đây, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đây té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

38 Quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. *Rồi ta **tự tác ý**,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

39 Quán - Nhờ nhiệt tâm thiền quán, Chứng quả Bất Lai - Kinh Anopanà – Tiểu III, 618

Anopanà – Tiểu III, 618 (54)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàketa, trong gia đình vị thủ kho Majjha. Vì nàng rất đẹp, nàng được tên là *Anopanà* (không ai sánh nổi).

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, nhiều con nhà giàu, các quan chức nhà vua, các hoàng tử, cử các sứ giả đến xin cưới nàng. Nghe tin vậy, nàng có tâm nguyện khác, nàng muốn sống đời sống không có gì hết. Nên nàng tìm đến bậc Đạo Sư nghe ngài thuyết pháp, nhờ trí tuệ chín muồi, nhờ nhớ đến lời dạy, nhờ nhiệt tâm thiền quán, nàng **chứng được quả thứ ba**, quả Bất lai. Xin phép bậc Đạo Sư cho xuất gia, nàng được nhận làm Tỷ-kheo-ni. Và đến ngày thứ bảy, nàng **chứng được quả A-la-hán**.

Suy tư trên quả chứng, nàng sung sướng nói lên sự phấn khởi của mình:

151. *Sanh gia đình cao quý,
Nhiều châu báu, tài sản,
Đầy đủ dung sắc đẹp,*

Con gái cưng Majjha.

152. Được con vua cầu hôn,
Con phú gia xin cưới,
Sứ giả đến cha ta,
Cho tôi Anopham.

153. Công chúa con gái ngài,
Cân nặng như thế nào,
Tôi sẽ tặng tám lần,
Bằng vàng ròng châu báu.

154. Ta thấy đáng Giác ngộ,
Bậc Thế Tôn vô thượng,
Ta đánh lễ chân Ngài,
Đến gần, ngồi một bên.

155. Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.
**Ngay tại chỗ ngồi ấy,
Ta chứng quả thứ ba.**

156. Rồi ta cạo bỏ tóc,
Xuất gia, sống không nhà,
**Hôm nay, đêm thứ bảy,
Khát ái được gột sạch.**

40 Quán - Phát triển thiền quán chứng Thắng trí thứ sáu - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***róng tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

41 Quán - Phát triển thiền quán các dục và chứng quả - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đề tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chận đứng được các dục tưởng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "**Ta sẽ giết nó!**" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,*

Che kín trùm tất cả.

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

42 Quán - Phát triển thiền quán khi bị quở trách - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

43 Quán - Phát triển thiền quán khi gặp nạn và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phát) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của **người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta**.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một **người ăn trộm**, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. **Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền**

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

44 Quán - Phát triển thiền quán khi tâm được Tĩnh chỉ - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tĩnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

45 Quán - Phát triển thiền quán trên thiền định và chứng quả - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – Tiểu III, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên **bùa chú** và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

46 Quán - Phát triển thiền quán tuổi già và chứng quả - Kinh Città – Tiểu III, 558

Città – Tiểu III, 558 (23)

Nàng được sanh vào một gia đình ưu tú ở Ràjagaha (Vương Xá), khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở cửa thành Ràjagaha, trở thành một tín nữ và được Mahàpajàpati cho xuất gia.

Sau khi nàng về già, trong khi leo núi Linh Thứu, với **thiền quán được phát triển**, nàng chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ đến kết quả này, nàng nói lên bài kệ:

*27. Dầu ta có mỗi mệt,
Bệnh hoạn quá yếu đuối,
Dựa trên gậy ta đi,
Ta leo lên đỉnh núi.*

*28. Với đại y vắt ngang,
Với bình bát lộn ngược,
Ta dựa mình tảng đá,
Phá tan khối si ám.*

47 Quán - Phát triển thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. *Trong thời gian tương lai,*
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. *Phẫn nộ và hiềm hận,*
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,

953. *Họ tự cho có trí,*
Pháp sâu, chỉ đến bờ,

**Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thân nhận tất cả,

Trong tương lai là vậy.

958. *Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ưá đánh nhau.*

959. *Họ trở thành tháo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.*

960. *Với tóc bôi dầu lảng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.*

961. ***Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bậc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhằm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.*

962. *Họ trở thành tham lợi,*

Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,
Thích sống gần xóm làng.

963. Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.

964. Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bạc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.

965. Khinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.

966. Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.

967. Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.

Voi ta không nghĩ nghĩ.

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kệ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo định trong giới luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phần chấn,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng đãng,
Ngu si, không giới hạnh,
Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.**

974. **Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có **tâm từ**.**

975. **Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.**

976. **Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.**

977. **Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,**

Hãy cung kính lẫn nhau.

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. *Hãy có tâm từ bi,*
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chấn.

980. *Thấy nguy hiểm phóng dật,*
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

48 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.

214. **Này tâm, ta gọi ngươi,**
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,
Chớ có dắt dẫn ta,

Đến chỗ có hại ta!

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

49 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ râu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xòa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

50 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224

Dhammika – Tiểu III, 224 (195)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia.

Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy **các Tỷ-kheo đều bỏ đi** và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư cho gọi ngài lên để giải thích.

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*302. Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,
Người hành trì Chánh pháp,*

Không đi xuống ác thú.

303. *Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.*

304. *Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.*

305. *Phá vỡ cội ung nhọt,
Nhỏ lên lười ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trăng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.*

Khi Thế Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika trên chỗ ngồi **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ,

ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

51 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41

Gahvaratīrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratīra và được biết với tên là *Gahvaratīrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lằng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi lằng đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

52 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216

Jambuka – Tiểu III, 216 (190)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài **dùng phân làm đồ ăn**, và rời bỏ gia đình, làm vị tu *khổ hạnh*. Thực hành nhiều *khổ hạnh*, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rom.

Ngài đã năm lẫn tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cái ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: "Hãy đến, này Tỷ-kheo" và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka **phát triển thiền quán** và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán.

Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn số giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rom chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*

Thân đầy những bụi bặm,
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhỏ sạch.

283. Ta **đứng chỉ một chân**,
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.

284. **Sở hành ta nhiều vậy,**
Dẫn ta đến ác thú,
Bị nước lớn cuốn trôi,
Cho đến khi quy Phật.

285. Hãy nhìn Phật ta quy,
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

53 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162

Kanhadinna – Tiểu III, 162 (150)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhadinna*.

Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuận thực, ngài đến Tôn giả Sàriputta, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. *Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.*

180. *Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,
Tồn tại ở trong ta.*

54 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65

Kutivihàrim – Tiểu III, 65 (56)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả Anjana Vaniya, với sự sai khác như sau: Trong khi **phát triển thiền quán**, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: "*Ai ở trong chòi lá này?*" Ngài trả lời: "*Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá*" và nói lên bài kệ:

56. *Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiện giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.*

Rồi người giữ ruộng nói: "Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đây".

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng:

*Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,
Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nhiễm phục,
Ông sẽ thành Độc giác.*

Bắt đầu từ đây, vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihàrim.

55 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiên nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ gián dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (vị ở chòi lá).

56 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị ái triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

57 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112

Malitavambha – Tiểu III, 112 (105)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha.

Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khát thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khát thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi.

Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, **phát triển thiền quán** và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

58 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Mánava – Tiểu III, 85

Mánava – Tiểu III, 85 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong nhà một Bà-la-môn có danh tiếng.

Trong **bảy năm**, ngài được nuôi dưỡng trong nhà, không ra ngoài đường. Khi được ra ngoài đường, ngài thấy một người **già**, một người **bệnh**, một người **chết**.

Được nghe thấy những sự kiện này, ngài phát lòng sợ hãi, đi đến tinh xá, nghe thuyết pháp, được cha mẹ cho phép, ngài được xuất gia. Rồi ngài **phát triển thiền quán**, **chứng quả A-la-hán**.

Khi ngài đến ngôi tinh xá, các Tỷ-kheo hỏi vì sao ngài xin xuất gia sớm và trẻ như vậy, ngài tuyên bố chánh trí của ngài và nói lên bài kệ này:

*73. Ta thấy một người già,
Một người khổ bệnh hoạn,
Ta thấy một người chết,
Với tuổi thọ kiệt quệ,
Do vậy ta thoát ra,
Sống đời sống xuất gia,*

*Từ bỏ mọi dự vọng,
Hấp dẫn và thích ý.*

59 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – Tiểu III, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bôn Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thì không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thục, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

60 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,
Loài Người không muốn sống,*

*Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

61 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.** Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cám dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với son, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,*

*Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,
Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,*

Từ bỏ mọi tài sản,
Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.

781. *Kẻ thừa tự mang đi,*
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
*Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,*
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;*
Phú quý nào có thể,
*Tránh khỏi được **già suy**.*
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,*
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,

Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. **Như kẻ trộm bị bắt**,
Quả tang, khi ăn trộm,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm **tâm đắm say**,
Với sắc và phi sắc,

*Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,*

788. *Như trái cây rụng xuống,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.*

789. *Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.*

790. *Thấy đục như lửa hừng,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.*

791. *Thấy nguy hiểm như vậy,
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,*

*Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

62 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua **dục** ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

63 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tướng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,*

Mau đoạn tận dục tham.

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

64 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,
Đâu có phát lộ tội,*

Như vậy, mưa không nặng.

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đóng lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

65 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III, 142 (134)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimāla cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vị Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimāla với những câu kệ như sau:

*147. Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.
Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

148. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chúng đạt được mục đích.

66 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thấy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Rơi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

67 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684

Subhà Con Người Thợ Vàng – *Tiểu III*, 684 (70)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con gái một người thợ vàng. Vì nàng rất đẹp, nên được gọi là Subhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở tại Ràjagaha, nàng đến yết kiến Ngài, khởi lòng tin tưởng, đánh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo Sư biết được căn cơ tâm tư thuần thực của nàng, tùy theo ý nguyện của nàng, Ngài thuyết pháp cho nàng về **Bốn sự thật** và nàng chứng được **quả Dự lưu**.

Về sau, nàng nhận thấy sự khó khăn sống trong gia đình, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati Gotamì, hướng tâm đến con đường siêu thoát.

Thỉnh thoảng, các bà con của nàng mời nàng trở lại với đời, nói lên sự hấp dẫn của đời. Một hôm nàng thuyết pháp cho bà con của nàng, nói lên những nguy hiểm của đời sống cư sĩ, và ở đời, thuyết pháp cho họ với hai mươi bốn bài kệ như sau và chữa cho họ thoát khỏi **bệnh tham vọng**.

Rồi nàng **phát triển thiền quán**, gột sạch các căn cuối cùng nàng chứng được quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, nàng nói như sau:

338. *Ta trước mặc áo trắng,
Được nghe giảng Chánh pháp,
Do ta không phóng dật,
Chứng tri được chân lý.*

339. *Nhờ vậy đối mọi dục,
Không còn tham muốn lớn,
Thấy sợ hãi thân kiến,
Ta mong muốn viễn ly.*

340. *Ta bỏ chúng bà con,
Bỏ lao công, nô tỳ,
Làng ruộng đất phì nhiêu,
Khiến người thích hân hoan,
Tì bỏ, ta xuất gia,
Gia sản đâu có ít.*

341. *Nhờ diệu pháp khéo thuyết,
Ra đi, với lòng tin,
Ta không thể hy cầu,
Vật gì thuận gia sản,
Vàng bạc ta đã bỏ,
Sao lại đi đến chúng?*

342. Vàng bạc không giác ngộ,
Không làm người an tịnh,
Không hợp hạnh Sa-môn,
Không phải tài sản Thánh.

343. Chính vàng hay bạc này,
Làm tham ái, đắm say,
Làm con người ngu si,
Làm tăng trưởng bụi trần,
Nguy hiểm nhiều ưu não,
Đây, không gì trường cửu.

344. Đây, loài Người tham đắm,
Phóng dật, tâm uế nhiễm,
Chống đối thù địch nhau,
Rộng đường đấu tranh nhau.

345. Giết hại, trói, tra tấn,
Hao tài sản, ưu tư,
Những ai chìm trong dục,
Gặp phải nhiều tai họa.

346. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,

**Hãy biết ta xuất gia,
Vì thấy dục đáng sợ.**

347. Bạc, vàng không có thể,
Đoạn được các lậu hoặc,
Các dục là thù địch,
Sát nhân, chuyên giết hại,
Chúng là kẻ oán thù,
Là mũi tên, dây trói.

348. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Cạo tóc đắp đại y.

349. Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành,
Vói miếng vải lượm lặt,
Sống vậy, thích hợp ta,
Cơ bản, sống không nhà.

350. Dục, đại sĩ từ bỏ,
Dục loài Trời, loài Người,
Trú an ổn, giải thoát,

Không dao động an lạc.

351. **Chớ để ta đến dục,
Trong dục, không an toàn,
Dục, thù địch sát nhân,
Gây khổ, dụ đồng lửa.**

352. *Đường hiểm, đầy sợ hãi,
Đầy khổ hoạn, gai góc,
Tham ái đường gập ghềnh,
Hoang si mê rộng lớn.*

353. **Tai họa đầy hãi hùng,
Các dục dụ đầu rắn,
Kẻ ngu thích thú dục,
Kẻ mù lòa phàm phu.**

354. **Chúng sanh chìm bùn dục,
Những kẻ không thấy đời,
Họ không có rõ biết,
Sự chấm dứt sanh tử.**

355. **Loài Người vì nhân dục,
Con đường đến ác thú,
Phản nhiều đi đường ấy,
Khiến tự ngã bệnh hoạn.**

356. Như vậy dục sanh thù,
Nung nấu, làm uế nhiễm,
Dục thuộc về thể vật,
Trói người vào tử vong.

357. **Dục** làm cho điên cuồng,
Loạn ngôn tâm thác loạn,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Sắp rơi bẫy Ác ma.

358. Dục nguy hiểm không cùng,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Ngọt ít, tạo đấu tranh,
Héo tàn ngày tươi sáng.

359. **Ta quyết định như vậy,
Không trở lui dục nhân,
Tác thành điều bất hạnh,
Luôn vui hưởng Niết-bàn.**

360. Quyết đấu tranh với dục,
Chờ đợi, mát, lắng dịu,
Sẽ sống không phóng dật,
Đoạn diệt kiết sử dục.

361. Ta đi theo đường ấy,
Đường đại sĩ đi qua,

Không sầu, không cầu uế,
An ổn, thẳng, **Tám ngàn**.

362. *Hãy xem Subhà này,
An trú trên Chánh pháp,
Con gái một thợ vàng,
Đạt được không tham dục,
Ngồi hành trì thiền định,
Ở dưới một gốc cây.*

363. *Hôm nay, ngày mồng tám,
Từ khi nàng xuất gia,
Với lòng đầy tin tưởng,
Sáng chói chân Diệu pháp,
Up-pa-la-van-na,
Huân luyện giảng dạy nàng,
Nàng chứng được Ba minh,
Vượt qua được thân chết.*

364. *Nàng tự mình giải thoát,
Không còn có nợ nần.
Là vị Tỷ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Ly hệ mọi khổ ách,
Việc cần làm làm xong,
Đối với các lậu hoặc,
Nàng đoạn diệt hoàn toàn.*

365. *Sakka đến với nàng,
Cùng với chúng chư Thiên,
Với thần thông diệu dụng,
Chúng đánh lễ Subhà,
Nàng chỉ là con gái,
Con một người thợ vàng,
Nhưng nay là **hội chủ**,
Của mọi loài chúng sanh.*

Vào ngày thứ **tám**, khi nàng đã thọ giới, nàng chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (362-364) để tán dương nàng và chỉ nàng cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương **Sakka đã đến đánh lễ nàng**.

68 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – Tiểu III, 692

Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – *Tiểu III*, 692 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia đình một Bà-la-môn nổi tiếng. Nàng được đặt tên là Subhà và **thân nàng rất tuyệt đẹp, nhất là về tay chân**. Do vậy nàng được gọi là **Subhà (người đẹp)**.

Khi bậc Đạo Sư ở Ràjagaha (Vương Xá), nàng khởi được lòng tin và trở thành một nữ cư sĩ. Về sau, nàng lo nghĩ đến kiếp người, **thấy sự nguy hiểm các dục lạc, và thấy được sự an tịnh trong nếp sống viễn ly**. Nàng xuất gia với sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati, và **phát triển thiền quán**, nàng chứng được quả **Bất lai**.

Một hôm, một **thanh niên ăn chơi** ở Ràjagaha, trong khi còn trẻ tuổi, đứng ở nơi vườn xoài ở Jivaka và thấy nàng đi vào rừng để nghỉ trưa. Nó chặn đường nàng lại và xin thỏa mãn dục lạc.

Nàng dạy cho nó biết, với nhiều bài kệ, sự nguy hiểm của dục lạc và sự lựa chọn của nàng về đời sống viễn ly, thuyết pháp cho chàng thanh niên ấy. Nhưng

chàng thanh niên **không** có nghe nàng và vẫn đòi thỏa mãn các dục lạc. Vị Trưởng lão Ni, không có dùng những lời khuyên nhủ của mình, thấy chàng ấy mê say con mắt của nàng, **liền móc một con mắt của nàng và đưa con mắt ấy cho chàng** và nói: "**Đây là con mắt có tội của nàng**". Chàng thanh niên hoảng sợ, khùng khiếp và xin lỗi nàng.

Nàng đi đến trước mặt vị Đạo Sư, và khi thấy Ngài, con mắt của nàng được chữa lành như cũ. Do vậy, trước mặt Thế Tôn, nàng cảm xúc rung động, hoan hỷ sung sướng. Bậc Đạo Sư biết được tâm trạng của nàng, dạy nàng và giúp nàng đạt được quả vị cao nhất. Dẫn lòng sự vui sướng của nàng, nàng **phát triển thiền quán**, chứng được **quả A-la-hán**, với hiểu biết ý nghĩa và hiểu về pháp.

Sau đó, an trú trong an lạc Niết bàn, nàng nghĩ đến những gì nàng chứng được và nói lên câu chuyện của nàng với chàng thanh niên ăn chơi bằng những câu kệ như sau:

*366. Trong rừng xoài tươi đẹp,
Của ông Jivaka,
Tỷ-kheo-ni Subhà,
Đang bộ hành đi tới,
Có chàng trẻ ăn chơi,
Ngăn chặn Subhà lại,*

*Nàng nói lên người ấy,
Những lời nói như sau.*

*367. Ta đã xúc phạm gì,
Để chàng đứng chặn tôi?
Thật là không xứng đáng,
Để một người đàn ông,
Xúc phạm nữ xuất gia,
Hỡi Hiền giả, hiểu cho.*

*368. Bạc Tôn sư ta dạy,
Chính học pháp như vậy,
Được bậc Thiện Thệ thuyết,
Là con đường thanh tịnh,
Không có cầu uế nào.
Sao chàng đứng chặn ta.*

*369. Tâm ta thật thanh tịnh,
Tâm người không thanh tịnh,
Tâm người đầy tham ái,
Ta không tham, không uế,
Mọi nơi, ý giải thoát,
Sao chàng đứng chặn ta?*

*370. Nàng trẻ, không ác pháp,
Nàng xuất gia làm gì?
Hãy bỏ áo Cà sa!*

Đến, lạc hưởng rừng hoa.

*371. Toàn hoa tỏa hương ngạt,
Cây rười bụi muôn hoa,
Xem tuổi xuân tuổi trẻ,
Là thời tiết hạnh phúc,
Hãy đến thọ hưởng lạc,
Trong rừng nở trăm hoa.*

*372. Con đường dưới vòm hoa,
Xào xạc gió lay động,
Nàng được lạc thú gì,
Khi một mình vào rừng.*

*373. Trú xứ chúng thú dữ,
Vang tiếng voi rống dục,
Rừng lớn trống không người,
Nhiều hiện tượng hãi hùng,
Nàng lại muốn đi vào,
Không một ai bạn đường?*

*374. Như búp bê vàng chói,
Giống tiên nữ vườn trời,
Nàng đắp vải Kàsi,
Đẹp mịn, sáng chói nàng.*

375. Ta sống nô lệ nàng,

*Nếu nàng sống ở rừng,
Không một sanh loại nào,
Mà ta yêu hơn nàng,
Hỡi nàng mắt dịu hiền,
Như mắt Kin-na-rì.*

*376. Nếu nàng theo lời ta,
Nàng sẽ được hạnh phúc,
Hạnh phúc sống gia đình,
Sống lâu dài che gió,
Sống có các nữ nhân,
Hầu hạ phục vụ nàng.*

*377. Mang lụa mịn Kàsi,
Dùng vòng hoa, sáp đỏ,
Ta làm nhiều trang sức,
Vàng châu báu ngọc ngà.*

*378. Nàng leo lên giường quý,
Gỗ chiên đàn, lõi thơm,
Che màn đẹp tinh sạch,
Trải nệm mới lông dài.*

*379. Như sen vươn từ nước,
Phục vụ cho phi nhân,
Như vậy nàng Phạm hạnh,
Sống toàn hảo đến già.*

380. Ở đây là cái gì,
Chàng xem là tuyệt diệu,
Trong nghĩa địa ử đây,
Tràn đầy những thân xác,
Chàng được thấy cái gì,
Trong thân xác hủy hoại,
Khi chàng thốt ra lời,
Si mê, vô ý thức?

381. Chính mắt như sơn dương,
Như Kinri giữa rừng,
Ta thấy con mắt nàng,
Dục lạc liền tăng trưởng.

382. Trong gương mặt không uế,
Sáng chói như vàng ròng,
Chẳng khác gì hoa sen,
Đặt chính giữa đài sen,
Thấy con mắt của nàng,
Lòng dục liền tăng trưởng.

383. Tuy xa ta vẫn nhớ,
Lông mi dài tuyệt đẹp,
Không gì ta yêu hơn,
Mắt Kinri của nàng.

384. *Chàng muốn dùng phi đạo,
Tìm mặt trăng mà chơi,
Muốn nhảy qua Mê-ru,
Muốn tìm đến con Phật.*

385. *Trên đời này, cõi trời,
Ta nay không tham ái.
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại tận gốc rễ.*

386. *Quãng đi như hổ than,
Than hùng đang cháy đỏ,
Đánh giá như thuốc độc,
Đang xâm nhập đến thân,
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại đến gốc rễ.*

387. *Hãy cám dỗ nữ nhân,
Không có biết quán sát,
Hay Đạo Sư người ấy,
Đang còn phải học tập,
Chàng mê hoặc người ấy,
Làm hại được người ấy.*

388. *Còn ta đã chánh niệm,
Đổi khen chê lạc khổ,
Biết hữu vi bất tịnh,
Bám chặt tư tưởng ấy.*

389. *Ta là đệ tử Ni,
Của bậc đại Thiện Thệ,
Ta đã dần thân bước,
Trên **đường đạo tám ngành**,
Mũi tên đã nhỏ lên,
Không còn các lậu hoặc,
Ta đi đến nhà trống,
Tâm tư ta hoan hỷ.*

390. *Ta đã được thấy nó,
Một búp bê khéo vẽ,
Với trục quay gỗ mới,
Khéo cột với dây que,
Búp bê ấy nhảy múa,
Nhiều điệu múa khác nhau.*

391. *Dây que ấy được rút,
Mở lòng rời phân tán,
Thành trống không, miếng nhỏ,
Chỗ nào ý say đắm.*

392. *Thân ta ví dụ vậy,
Không bộ phận không động.
Không bộ phận, không động.
Chỗ nào ý say đắm.*

393. *Như thấy một bức vẽ,
Tô màu đỏ trên tường,
Cái thấy chàng đảo lộn,
Vì trí người thiếu sót.*

394. *Ảo thuật xem tối thượng,
Như cây vàng trong mộng,
Mù lòa người chạy theo,
Cái trống không, không thực,
Như cái trò múa rối,
Được xem giữa quần chúng.*

395. *Mắt nàng như hòn bi,
Đặt lỗ trống của cây,
Như những bong bóng nước,
Đầy đầy những nước mát,
Những con người đa dạng,
Sanh ra những mủ ghèn.*

396. *Thiếu nữ đẹp tuyệt ấy,
Vội tâm không chấp trước,
Bóc một con mắt nàng.*

Trao liền cho người ấy,

Và nói hãy cầm lấy,
Con mắt này của người.

397. **Khi ấy tham liền diệt,**

Chàng khẩn cầu xin lỗi,

Mong rằng Phạm hạnh ni,
Được an ổn trở lại,
Tôi sẽ không còn dám,
Xâm phạm thế này nữa.

398. *Hại hạng người thế này,*

Chẳng khác ôm lửa hừng,

Tôi như nắm rắn độc,

Mong an ổn tha thứ.

399. *Thoát khỏi bị xúc phạm,*

Vị Tỷ-kheo-ni ấy,

Từ đây đi đến gần,

Bạc Giác ngộ thù thắng,

Thấy được tướng công đức,

Tốt đẹp và thù thắng,

Mắt của nàng hồi phục,

Được trở lại như xưa.

69 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232

Subhùta – Tiểu III, 232 (199)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là *Subhùta*, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ.

Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy Upatissa, Kolita, Sela sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sư, ngài vào nhập thất với một đề tài thiền quán. Nhờ **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

*319. Đặt mình vào tại chỗ,
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu,
Như vậy công việc ấy,*

Được xem bị thất bại.

320. Nếu từ bỏ phần thắng,
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.

321. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.

322. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** nhưng không **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Không **làm**, không kết quả.

323. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** lại có **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Có **làm**, có kết quả.

70 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52

Sumangala – Tiểu III, 52 (43)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái liềm, cái cuốc và cái cày.

Một hôm vua *Pasenadi* cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này.

Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình.

Khi về, ngài thấy các dân quê cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập **thiền định**, sống cô độc, **phát triển thiền quán**. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán.

Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!

Thật sự ta khéo thoát,

Thoát ba sự cong queo,

Ta thoát cong với liềm,

Ta thoát cột với cày,

Ta thoát cực với cuốc,

Nếu có đây, có đây,

Thật đủ chán, đủ chán,

Hỡi Sumangala!

Hỡi Sumangala!

Hãy thiền, hãy thiền định!

Hỡi Sumangala!

Hãy sống không phóng dật.

71 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sundàri – Tiểu III, 674

Sundàri – Tiểu III, 674 (69)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Benares (Ba-la-nại), con cái của Sujata, một Bà-la-môn. **Vì thân nàng đẹp đẽ, nàng được gọi là Sundarì.**

Khi nàng lớn, **em trai nàng chết**. Cha nàng quá đau khổ đi lang thang và gặp Trưởng lão Ni **Vasitthi**. Khi Trưởng lão Ni hỏi cha nàng bị đau khổ gì, cha nàng trả lời bằng hai câu kệ đầu. Để làm nhẹ bớt đau khổ, Trưởng lão Ni nói hai câu kệ tiếp, và nói lên tâm trạng giải thoát khỏi đau khổ của nàng. Vị Bà-la-môn hỏi làm sao Trưởng lão Ni lại được giải thoát khỏi đau khổ như vậy. Vị Trưởng lão Ni trả lời về Ba ngôi báu và quy y.

Khi được biết bậc Đạo Sư nay ở Mithilà, vị Bà-la-môn đánh xe đến Mithilà, yết kiến đức Phật. **Đức Phật thuyết pháp, vị Bà-la-môn khởi lòng tin, xin xuất gia, vào ngày thứ ba chứng quả A-la-hán**, sau khi tinh tấn, tinh cần **phát triển thiền quán**.

Người đánh xe, đánh xe về nhà Bà-la-môn và nói cho nữ Bà-la-môn sự việc đã xảy ra. Sundarì nghe vậy, nàng xin mẹ xuất gia. Bà mẹ nói nay toàn thể tài sản

đều thuộc của nàng, hãy thọ hưởng tài sản ấy. Sundarì nói tài sản không có nghĩa gì đối với nàng, nàng chỉ muốn xuất gia.

Sau khi được bà mẹ bằng lòng, nàng bỏ cả tài sản như những vật vô giá trị. Nhờ tinh cần tinh tấn, nhờ chủng tử tốt lành, nhờ trí tuệ chín muồi, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sống trong sự an lạc giải thoát, nàng nghĩ: "***Ta sẽ rống lên tiếng rống con sư tử trước mặt bậc Đạo Sư!***". Sau khi xin phép bậc thầy của mình nàng rời khỏi Benares, với một số đồng Tỷ-kheo-ni, và cuối cùng đến Sàvatthi, yết kiến đức Phật, đánh lễ Ngài rồi đứng một bên. Nàng nói lên chánh trí của nàng, xem nàng như là con gái sanh ra từ miệng đức Bổn Sư.

Và tất cả bà con nàng, bắt đầu từ mẹ nàng và các người hầu cận đều xuất gia. Suy nghĩ đến quả chứng của mình và dùng lời tuyên bố của người cha, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng như sau:

Sujàta:

*312. Hỡi nữ Bà-la-môn,
Những con nàng đã chết,
Trong thời gian quá khứ,
Thần chết ăn nghiền chúng,*

*Cả ngày và cả đêm,
Khổ đau nung nấu nàng.*

*313. Nay có đến bảy con,
Bị thần chết vô lý,
Nhưng này Vàsitthi
Chính vì lý do gì?
Nàng không bị đau khổ,
Nỗi hại và nung nấu?*

Vàsitthi:

*314. Nhiều trăm con trai ta,
Hàng trăm chúng bà con,
Đã bị thần chết ăn,
Của ta và của người!*

*315. Ta biết đường giải thoát,
Khỏi sanh và khỏi chết,
Ta không sầu, không khóc,
Ta không bị nung nấu.*

Sujàta:

*316. Hỡi nàng Vàsitthi
Vi diệu thay, lời người!
Nàng biết pháp của ai,
Nàng nói được như vậy?*

Vàsitthi:

317. Hỡi này, Bà-la-môn,
Bậc Chánh Đẳng Giác này,
Ở thành Mithilà,
Ngài thuyết cho hữu tình,
Chánh pháp thật vi diệu,
Đoạn tận mọi khổ đau!

318. Hỡi này Bà-la-môn,
Ta nghe La-hán ấy,
Thuyết pháp không sanh y,
Ở đây nhờ hiểu rõ,
Ta biết pháp vi diệu,
Sầu vì con quét sạch.

Sujàta:

319. Con sẽ đi ngay đến,
Thành phố Mithilà!
Mong bậc Thế Tôn ấy,
Giúp con thoát mọi khổ,
Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát mọi khổ.

320. Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát vô sanh,
Bậc Mâu-ni, vượt khổ,
Thuyết pháp cho vị ấy.

321. **Thuyết khổ, khổ tập khởi,**
Vượt qua sự đau khổ,
Thuyết **Thánh đạo tám ngành,**
Con đường lắng dịu khổ.

322. Ở đây, hiểu Diệu pháp,
Hoan hỷ chọn xuất gia,
Sujàta ba đêm,
Chúng đạt được Ba minh.

323. Hãy đi, người đánh xe,
Đánh xe này về nhà,
Chức nữ Bà-la-môn,
Được sức khỏe, không bệnh,
Và nói vị Phạm chí,
Nay đã xuất gia rồi,
Sujàta ba đêm,
Chúng đạt được Ba minh.

324. Người đánh xe lấy xe,
Cùng với ngàn đồng tiền,
Chức nữ Bà-la-môn,
Được sức khỏe, không bệnh,
Và nói vị Phạm chí,
Nay đã xuất gia rồi,
Sujàta ba đêm,

Chúng đạt được Ba minh.

Mẹ của Sundarì:

*325. Hồi này người đánh xe,
Xe ngựa, ngàn tiền này,
Khi nghe vị Phạm chí,
Đã đạt được Ba minh,
Ta cho người đầy bát,
Cả xe và ngàn tiền.*

*326. Hồi nữ Bà-la-môn!
Hãy giữ lại cho người,
Xe ngựa và ngàn tiền,
Tôi sẽ đi xuất gia,
Sống thân cận gần gũi,
Bậc trí tuệ tối thắng.*

*327. Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên giàu có này,
Cha con đã xuất gia,
Đã bỏ lại tất cả....*

*Này con Sundarì,
Con thừa tự gia đình,
Hãy thọ hưởng tài sản,
Của đại gia đình này,*

328. Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên cám dỗ nàng;
Sầu khổ vì đứa con,
Cha con đã xuất gia,
Đã từ bỏ tất cả,
Gia sản sự nghiệp này,
Con nay sẽ xuất gia,
Sầu khổ vì anh con.

329. Hỡi này Sundarì
Nếu đây ước nguyện con,
Mong rằng tâm tư ấy,
Được thành tựu viên mãn;
Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành,
Vói miếng vải lượm lặt,
Những nếp sống như vậy,
Được thành tựu viên mãn,
Khiến lậu hoặc đoạn tận,
Trong thế giới đời sau.

Sundarì:

330. Kính thưa Trưởng lão Ni,

*Con đã học, tu tập,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Con biết các đời trước,
Tại chỗ con được sống,
Trước kia như thế nào.*

*331. Nhờ Ni sư, con được,
Ôi, bạn lành của con!
Bạc sáng chói tốt đẹp,
Trong chúng Trưởng lão Ni!
Ba mình đã chứng đạt,
Lời Phật dạy, làm xong.*

*332. Ni sư hãy cho phép,
Con đi đến Xá Vệ!
Con sẽ rống vang lên,
Tiếng rống con sư tử!
Trước mặt bậc Giác ngộ,
Phật-đà, bậc tối thượng.*

*333. Hỡi này Sundarì,
Nàng thấy bậc Đạo Sư,
Màu da, sắc màu vàng,
Như vàng ròng sáng chói!
Bậc Chánh Đẳng, Chánh giác,
Không điều gì sợ hãi,
Bậc đã điều phục được,*

Kẻ chưa được điều phục.

334. *Đang đi đến trước Ngài,
Ngài thấy Sundarì!
Ly tham không hệ lụy,
Giải thoát, không sanh y,
Đã làm việc phải làm,
Không còn các lậu hoặc.*

335. *Từ thành Ba-la-nại!
Con đã bước ra đi!
Con đến bậc Đại hùng.
Con là Sundarì,
Con chính đệ tử Ngài!
Con đánh lễ chân Ngài.*

336. *Ngài là bậc Giác ngộ!
Ngài là bậc Đạo Sư!
Con là con gái Ngài,
Ôi bậc Bà-la-môn!
Con sanh từ miệng Ngài!
Đã làm việc phải làm,
Không còn có lậu hoặc,
Con là Sundarì.*

337. *Hiền nữ, Ta mừng con,
Đường còn lại, không xa!*

*Như vậy, bậc Tự điều,
Đánh lễ chân Đạo Sư!
Bậc ly tham, ly hệ,
Không hệ lụy trói buộc,
Đã làm việc phải làm,
Không còn các lậu hoặc.*

72 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sànu – Tiểu III, 53

Sànu – Tiểu III, 53 (44)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình. Bà mẹ, đặt tên ngài là Sànu, khi ngài lên **bảy tuổi**, được đưa đến ở với các Tỷ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc.

Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính. Trong đời trước, **mẹ** ngài là một **nữ Dạ-xoa**. Sau một thời gian, ngài mất sự sáng suốt, sống sâu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ Dạ-xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Yakkhà (Dạ-xoa):

*Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,
Dẫu có đứng lên chạy.*

Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sànu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ:

*44. Thừa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống, không được thấy,
Thừa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thừa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?*

Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: **"Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục"**, và nói bài kệ như sau:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
**Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,***

*Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn **sống** cũng như **chết**,
Này con, được kéo ra,
Khởi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chẳng?*

Khi ngài nghe vậy, Sa-di Sànu lấy làm xấu hổ sâu
muộn, và tinh tấn **phát triển thiền quán**, không bao
lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ rằng ngài
chiến thắng là nhờ những bài kệ này, nên lấy những
bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

73 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. *Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.*

154. *Biết nguy hiểm như vậy,*

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

74 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong **sự nghiệp giải thoát**?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

75 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243

Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiền quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: "*Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp*".

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "*Tỷ-kheo này, nếu không*

được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh", nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đòi ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập số của bộ Anguttara Nikàya và tập số của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế

Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và
bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

*349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?*

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của
mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

*350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.*

*351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**
Năm căn và Năm lực,
Tu tập các **Giác chi,**
Con sẽ sống trong rừng.*

*352. Con thấy bạn đồng tu,
Sống hòa hiệp, đồng mãnh,*

*Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

76 Quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – *Tiểu III, 209* (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng, làm nhác.*

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tình cần,
Thiên định, thường tình tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

77 Quán - Phát triển thiền quán về bệnh đau mắt và kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102

CakkuPàla – Tiểu III, 102 (95)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahāsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là **Pàla anh**, vì em ngài được gọi là *Pàla em*, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình.

Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, *Pàla anh* giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "**Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt**". Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo **phát triển thiền quán**, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán

thời cũng mù mắt luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: *"Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ".*

Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi.

Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tự với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

95. *Dầu ta có bị mù,
Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.*

78 Quán - Phát triển thiền quán về chế ngự căn - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. **Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "Căn tu tập** *Indriyabhàvanà*", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài **suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng:** "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. *Khi Tỷ-kheo tên là,*

Pàràpariya,
Ngôi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:

727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?

728. Các **căn** của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm **hại**,
Có hộ trì, làm **lợi**.

729. **Người chế ngự các căn,**
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.

730. Con **mắt** đi đến **sắc**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ **tai** đi đến **tiếng**,

Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **hương**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khó đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,

Thành hộp đẹp tô màu.

737. *Cay đắng như vị ngọt,*

Khổ do khổ ái buộc,

Như dao bén dính mật,

Kẻ tham đâu có biết.

738. ***Ai tham đắm nữ sắc,***

Nữ vị, nữ xúc chạm,

Ai mê say nữ hương,

Gặp nhiều loại đau khổ.

739. *Mọi dòng từ nữ nhân,*

Năm loại tràn năm xứ,

Người có tinh tấn lực,

Có thể ngăn chặn chúng.

740. *Người có đích, trú pháp,*

Người thiện xảo, sáng suốt,

Hoan hỷ làm nghĩa vụ,

Liên hệ đến pháp, nghĩa.

741. *Chìm trong việc lợi tạm,*

Hãy bỏ việc không lợi,

Nếu nó nghĩ việc ấy,

Không phải việc nên làm,

Vị ấy không phóng dật,

Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đẩy thật lực tới thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh dẻo gỏi,
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng căn đánh bật căn.**

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

79 Quán - Phát triển thiền quán về con khỉ tâm và chứng quả - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,*

*Trí tuệ cầm giữ người,
Người đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

80 Quán - Phát triển thiền quán về hộ trì căn và chứng quả - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.*

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. Ngửi **hương**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. Nếm **vị**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. Cảm **xúc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tì bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tì bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tì bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. **Không tham nhiễm** các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

81 Quán - Phát triển thiền quán về khổ và chứng quả - Kinh Mẹ Của Sumangala – Tiểu III, 556

Mẹ Của Sumangala – *Tiểu III*, 556 (21)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình **nghèo** và được gả lấy một người đàn mày làm chồng. Nàng sanh được một người con trai tên Sumangala, sau trở thành bậc Trưởng lão và chứng quả A-la-hán. Nàng không được biết tên và được gọi là một Trưởng lão Ni không có tên hay mẹ của Sumangala.

Nàng trở thành một Tỷ-kheo-ni và **một hôm nghĩ đến sự đau khổ khi còn là cư sĩ, nàng cảm thấy xúc động** và với **thiền quán phát triển**, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ, nàng nói lên bài kệ như sau:

23. *Hồi thiện giải thoát Ni,
Lành thay khéo giải thoát,
Ta được khéo giải thoát,
Khỏi cái chày giã gạo,
Ta không còn xấu hổ,
Với ông chồng đàn dừ,*

*Với soong chảo nấu ăn,
Với nghèo đói tội tàn.*

*24. Chặt đứt được **tham** sân,
Ta sống không tham sân,
Ta đi đến gốc cây,
Ôi, an lạc ta thiền.*

82 Quán - Phát triển thiền quán về nguy hiểm của dục và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sanh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, **thiền định của ngài bị thôi thất và lòng *dục* khởi lên.** Ché ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các ***dục*** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe tiếng, mất chánh niệm,*
*Tác ý **tưởng** luyến ái,*
*Tâm cảm **thọ** say mê,*

*Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến nhiễm luân hồi.*

83 Quán - Phát triển thiền quán về thân và chứng quả - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài **phát triển thiền quán**, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

*169. Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

**170. Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.**

84 Quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng trí - Kinh Brahmàli – Tiểu III, 180

Brahmàli – Tiểu III, 180 (163)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những **điều kiện chín muồi**, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán **hạnh tinh tấn**:

*205. Với những ai, các căn,
Đã đi đến **tịnh chỉ**,
Như được khéo **điều phục**,
Bởi đánh xe **điều ngự**,
Kiều mạn được đoạn tận,*

*Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên rất ái mộ,
Những vị có hạnh ấy.*

*206. Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.*

85 Quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng trí - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna.

Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. Bậc ỨNG CÚNG, Thiện Thệ,
Ẩn sĩ bị phong thấp,
Nếu ông có nước nóng,
Hãy cúng dường ẩn sĩ.*

*186. Cúng dường người đáng cúng,
Cung kính người đáng kính,
Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

86 Quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thẳng trí - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thẳng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,**

Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

87 Quán - Phát triển thiền quán, chứng quả lúc bảy tuổi - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288

Bhadda – Tiểu III, 288 (226)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dầu đã có cầu khấn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: *"Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!"*.

Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: *"Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn"*.

Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thực đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài **phát triển thiền quán** và chứng được *sáu thắng trí*.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: "Hãy đến này Bhadda!" Ngài đến, chấp tay đánh lễ bậc Đạo

Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì.

Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. *Ta là con độc nhất,
Được cha thương, mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cấm,
Van vái mới được ta.*

474. *Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật.*

475. *Được đưa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tể nhị,
Được nuôi chiều sẵn sóc,
Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc cứu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.*

476. *Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,*

Nó sẽ thành thuần lương.

*477. Sau khi bậc Đạo Sư,
Bảo xuất gia cho ta,
Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tinh xá,
**Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.***

*478. Rồi bậc Đạo Sư ta,
Để chấm dứt công việc,
Từ yên lặng thiền tịnh,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.*

*479. **Từ sanh, đến bảy năm,**
Ta được thọ Đại giới,
Ba mình ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!*

88 Quán - Phát triển thiền quán, nhờ thiền Định - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – Tiểu III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đằm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

89 Quán - Quán chán nản dục vọng - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

*747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phần nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đâm, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lương y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

90 Quán - Quán sự nguy hiểm của đời thế tục - Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250

Sonakutikanna – Tiểu III, 250 (208)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là *Sona*. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là *Koti* hay *Kutikanna* (người có lỗ tai đắt giá).

Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão *Mahà Kaccàna* ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão *Kaccàna*. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn.

Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu *Athaka*. Khi đọc đến câu: "*Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục*", ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bôn Sur bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão *Mahà Kaccàna* giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thừa lại với bậc giáo thọ sư của

mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Udàna và tập số Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thành đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tịnh xá.*

*365. Thế Tôn, trải nhiều ngày,
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

*366. Trải y Tăng-già-lê,
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

*367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,*

Sona thuyết diệu pháp.

368. Liễu Tri **Năm thủ uẩn,**
Tu tập con đường Thánh,
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

91 Quán - Quán tánh vô thường và chứng quả - Kinh Bài Kệ Này Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên – Tiểu III, 540

Bài Kệ Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên – *Tiểu III*, 540 (1)

*1. Hãy ngủ trong an lạc
Hỡi nàng thân đầy đà,
Đắp phủ trong tấm y,
Chính mình tự làm lấy,
**Lòng tham, nàng lắng dịu,
Như ghè khô trong lò!***

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình ở Vesàli (Tỳ-xá-ly). Vì thân hình đầy đà, nàng được gọi là nàng đầy đà. Nàng trở thành người vợ trung thành của một người quý tộc. Khi bậc Đạo Sư đến Vesàli, nàng tin tưởng giáo pháp của đức Phật và trở thành một nữ cư sĩ. Khi nàng nghe Trưởng lão Ni Mahàpajàpati thuyết pháp, nàng muốn xuất gia và thừa vớ chồng ý nguyện của nàng. Người chồng không cho, nên nàng tiếp tục làm tròn bổn phận của nàng, suy tư đến những lời dạy dịu dàng của giáo pháp và chú tâm đến thiền quán.

Rồi một ngày kia, trong khi đang ở trong bếp và nấu món ăn, một ngọn lửa mạnh bùng cháy và thiêu tất cả món ăn với những tiếng cháy xèo xèo, **nàng lấy đó làm đề tài để thiền quán về tánh vô thường của sự vật, và chứng được quả Bất Lai.**

Rồi nàng không đeo các đồ trang sức nữa. Người chồng hỏi duyên cớ, nàng trả lời nàng không thể sống trong gia đình được nữa. Người chồng đưa nàng đến Trưởng lão Ni Mahàpajàpàti Gotami, và bằng lòng để nàng xuất gia. Mahàpajàpàti làm lễ xuất gia cho nàng và đưa nàng đến yết kiến đức Phật. Bạc Đạo Sư giải thích về đề tài thiền quán của nàng và nói lên bài kệ này.

Khi nàng **chứng quả A-la-hán**, nàng lập lại bài kệ này và bài kệ trở thành bài kệ của nàng.

92 Quán - Quán vô thường và chứng quả - Kinh Ambapàli – Tiểu III, 655

Ambapàli – Tiểu III, 655 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàli và được gọi là Ambapàli.

Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do **nghiệp lực** của nàng, nàng trở thành một **kỹ nữ**.

Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe **con nàng, tức là Trưởng lão Vimalakondanna** thuyết pháp, nàng **triển khai thiền quán về lý vô thường**, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. Đen như sắc con ong,
Tóc dài ta khéo uốn,
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,
Đúng như lời giảng dạy,

Của *bạc* nói *sự thật*.

253. *Thơm như hộp ướp hương,
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự thật*.*

254. *Như rừng khéo vun trồng,
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự thật*.*

255. *Trang điểm với bện tóc,
Sáng chói nữ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự thật*.*

256. *Trước **lông mày** của ta,
Chói sáng khéo tô vẽ,*

*Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

257. **Mắt** ta xanh và dài,
*Sáng đẹp như châu báu,
Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

258. **Lỗ mũi** mềm và thon,
*Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

259. Trước **tai** ta sáng chói,
*Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhu chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

260. Trước **răng** ta sáng chói,

*Như búp nụ chuối hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bể gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

261. Ngọt là **giọng nói** ta,
*Như chim cu hót rìng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bể bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

262. Trước **cổ** ta chói sáng,
*Mềm đầy đặn nhu nhuyến,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngán và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

263. Trước **cánh tay** của ta,
*Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yết ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

264. Trước **bàn tay** của ta,
Mềm mại như cành hoa,
Sáng như nữ trang vàng,
Nay biến đổi vì già,
Như rễ cây khô cằn,
Nhăn nhiu và thô nhám,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

265. Trước **vú** ta sáng chói,
Căng thẳng và tròn đầy,
Nay biến đổi vì già,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Như da không có nước,
Trống không, không căng tròn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

266. Trước **thân** ta chói sáng,
Như giáp vàng đánh bóng,
Nay biến đổi vì già,
Đầy vết nhăn nhỏ xíu,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

267. Trước **bắp vế** của ta,
Sáng chói như vôi vôi,

Nay biến đổi vì già,
Giống như những ống tre,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

268. Trước **ống chân** của ta,
Mềm mại như vòng vàng,
Nay biến đổi vì già,
Chẳng khác gậy cây mè,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

269. Trước **chân** ta chói sáng,
Vội lông mềm như bông,
Nay biến đổi vì già,
Nứt nẻ đầy đường nhăn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

270. **Thân này là như vậy,**
Nay già chứa nhiều khổ,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Vội trét tường rơi xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của Bậc nói sự thật.

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và **phát triển tuệ quán** trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

93 Quán - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức sẵn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây thiền định,
thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

94 Quán - Thiền quán khi bị ngã và chứng quả - Kinh Dhammà – Tiểu III, 552

Dhammà – Tiểu III, 552 (17)

Sau khi chết chứa công đức trong nhiều đời, nàng được sanh trong một gia đình quyền quý dưới thời đức Phật hiện tại. Sau khi lấy chồng, nàng được cảm hóa theo đạo Phật, xin xuất gia nhưng người chồng không bằng lòng. Nàng chờ cho khi chồng mất, mới xuất gia.

Một hôm, sau khi khát thực, trên con đường về tỉnh xá, nàng mất thăng bằng bị ngã. Dùng sự kiện ấy để **thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Trong sự vui sướng, nàng nói lên bài kệ;

*17. Sau khi khát thực xong,
Yếu sức, chống trên gậy,
Vội chân tay run rẩy,
Ta ngã trên mặt đất,
Thấy nguy hiểm của thân,
Tâm ta được giải thoát.*

95 Quán - Thiền quán khi vợ củ đến và chứng quả - Kinh Candana – Tiểu III, 222

Candana – Tiểu III, 222 (194)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được **nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu.**

Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: "*Với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia*". **Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng quy y và thọ các giới.

Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: "Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?" Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Vớì vàng che phủ kín,
Chúng nữ tỳ vây quanh,
Mang theo đứà con thơ,
Người vợ đến vớì ta.

299. **Thấy mẹ của con ta,
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.**

300. **Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.**

301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

96 Quán - Thiền quán khi định tự sát và chứng quả - Kinh Sīha – Tiểu III, 582

Sīha – *Tiểu III*, 582 (40)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesālī, **con gái của một người chị võ tướng Sīha**. Do vậy, nàng được đặt tên là Sīha, như tên của người cậu của nàng.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp cho người cậu, Sīha trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Khi nàng tu tập **thiền quán**, nàng không thể chận đứng tâm tư nàng chạy theo những ngoại vật khả ý. **Bảy năm** bị dày vò, nàng kết luận: *"Làm sao ta thoát khỏi nếp sống ứ nhiễm này. Ta hãy chết, tốt hơn"*.

Rồi nàng cột sợi dây trên cây, **đút cổ vào thông lọng để thắt cổ chết**. Trong giây phút cuối cùng với sự cố gắng tinh thần chắt chứa từ trước cho đến nay, nàng cố gắng **triển khai thiền quán**. Đối với nàng đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng, trong giờ phút cuối cùng, **trí tuệ** nàng được viên mãn, và với **nội tâm thiền quán** nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Mở thông lọng ra nàng trở về lại tỉnh xá. Được thành một vị A-la-hán, nàng sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ:

77. *Không như lý tác ý,
Bị dục tham ám ảnh,
Ta trước bị dao động,
Không chế ngự được tâm.*

78. Bị phiền não chi phối,
Lạc tướng ngự trị ta,
Tâm ta không thắng bằng,
Bị *tham* tâm chi phối.

79. *Bảy năm* sống ốm yếu,
Vàng da, dung sắc xấu,
Đêm ngày không an lạc,
Ta sống chịu khổ đau.

80. *Do vậy ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ,
Còn hơn sống hạ liệt.*

81. *Làm chắc dây thông lọng,
Ta cột ở cành cây,
Quàng thông lọng quanh cổ,*

Tâm ta liền giải thoát.

97 Quán - Thiền quán năm uẩn và chứng quả - Kinh Mittakali – Tiểu III, 588

Mittakali – *Tiểu III, 588 (43)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở xứ dân chúng Kuru, tại thành Kammāsadamma. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng được **nghe giảng về Bốn niệm xứ** và xuất gia làm Tỷ-kheo-ni.

Trong **bảy năm** nàng ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã về sau nàng biết **như lý tác ý, triển khai thiền quán** và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng.

92. Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta sống tâm hướng mạnh,
Theo lợi dưỡng cung kính.

93. Từ bỏ đích tối thượng,
Phục vụ đích hạ liệt,

*Bị phiền não ngự trị,
Bỏ đích Sa-môn hạnh.*

*94. Ngồi trong phòng tinh xá,
Ta cảm bị dao động,
Ta đi vào tà đạo,
Khát ái ngự trị ta.*

*95. Ngắn ngủi sinh mạng ta,
Già, bệnh đang đè nặng,
Trước khi thân hủy diệt,
Giờ phóng dật không còn.*

*96. Như thật ta quán sát,
Sinh diệt của các uẩn,
Tâm giải thoát, ta chứng,
Lời Phật dạy làm xong.*

98 Quán - Thiền quán sau khi chế ngự buồn ngủ, chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,

Lại lên đường kinh hành,
Qua lại đường kinh hành,
*Nội tâm ta **định** tĩnh.*

***Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiểm lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

99 Quán - Thiền quán sau khi đoạn tận kiêu mạn và chứng quả - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – *Tiểu III*, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

*260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,*

*Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.*

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

100 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – Tiểu III, 577

Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – *Tiểu III, 577* (37)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà-la-môn dòng họ Kosiya ở Sàgala. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm **vợ một nhà quý tộc tên là Pippali ở làng Mahàtittha.**

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia.

Nàng sống năm năm tại Tittthiyàrama, sau đó nàng được Mahàpajàpati cho thọ đại giới, nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán.

Sau nàng trở thành một **vị có biệt tài về các đời quá khứ nhờ hạnh nguyện trong đời quá khứ.** Nàng được đức Phật xem là người biệt tài **đệ nhất về đời sống quá khứ**, khi bậc Đạo Sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỷ-kheo-ni.

Một ngày kia nàng nói lên những bài kệ, nói đến những kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão Kassapa:

63. Con được thừa tự Phật,
Ca-diếp khéo thiên định.
Biết được đời quá khứ,
Thấy cõi trời đọa xứ.

64. Ấn sĩ đoạn diệt sanh,
Thắng trí được thành tựu,
Cùng với Ba minh này,
Là Phạm chí Ba minh.

65. Cũng vậy nàng Bhaddà,
Người xứ Kapila,
Nàng là bậc Ba minh,
Đã đoạn được sự chết,
Mang thân này cuối cùng,
Sau khi thắng ma quân.

66. Thấy nguy hại ở đời,
Hai chúng tôi xuất gia.
Chúng tôi được chế ngự,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Cảm xúc thành mát lạnh,
Được tịch tịnh giải thoát.

101 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703

Isidàsi – *Tiểu III*, 703 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì **nghiệp** đời trước của nàng, **chồng nàng trở thành lạnh nhạt** đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà.

Sau khi **tu học thiền quán**, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng

ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

*400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
"Pàtaliputta",
"Con của đóa bông kèn",
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.*

*401. Một I-xi-đa-xi,
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưu thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.*

*402. Họ đi khát thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viển ly,
Nói lên những lời này.*

*403. Hồi I-xi-đa-xi,
Căn nàng thật thoải mái,*

*Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.*

*404. Như vậy sống viên ly,
Thiện xảo về thuyết pháp,
I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

*405. Tại thành phố thù thắng,
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú,
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

*406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai,
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. Sáng và chiều, ta đến,

*Đánh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.*

*408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

*409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

*410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.*

*411. Cầm theo lược trang liệu,
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

*412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,*

Ta hầu chồng như vậy.

*413. Như vậy phục vụ chồng,
Với phục vụ tối thượng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.*

*414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.*

*415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.*

*416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ,
Có thể sống chung được,
Với I-xi-đa-xi,
Con ghét cay chán ngấy,
Xin phép, con sẽ đi.*

417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lại ác cảm chống con.

419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối,
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.

420. **Cha ta lại gả ta,**
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền,
Là tiền gả bán ta.

421. **Ta chỉ sống một tháng,**
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm, có đức.

422. **Cha ta nói khát sĩ,**
Sống điều phục chế ngự,
Người hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.

423. Vị ấy sống **nửa tháng,**
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khát sĩ của con.

424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liên nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.

425. Được nói vậy, vị ấy,
Liên trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!

426. Từ giã vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.

427. Rồi Ji-na-đạt-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.

428. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.

429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thừa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
"Này con hãy ở đây".

430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.

431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.

432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lương Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.

433. Ta đánh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau **bảy** ngày xuất gia,
Ta chứng được **Ba minh**.

434. **Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thực,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.**

435. Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
**Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.**

436. Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,
Ta bị đốt, nung nấu,
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt,
Ta sanh trong bụng **khỉ**.

437. Bảy ngày từ khi sanh,
Ta **bị khỉ chúa thiến,**
Đây là quả của nghiệp,

Do đi đến vợ người.

438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-đa,
Sanh trong bụng con **đê**,
Một mắt và què quặt.

439. **Mười hai năm bị thiên,**
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.

440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con **bò cái**,
Của một lái buôn bò,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiên.

441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.

442. Từ đây chết được sanh,
Nhà **nữ tỳ gần đường,**
Không là nữ, không nam,

Do đi lại vợ người.

443. Đến tuổi **ba mươi** năm,
Bị chết, ta được sanh,
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lãi đoàn bắt ta.

444. Kéo ta, dẫu ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,
Lớn lên thành thiếu nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hằn.

447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dẫu ta như nô tỳ,

*Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.*

102 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gớm thay, **vật hôi thối!**
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,
Ứ chảy nhiều dòng nước,*

***Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.***

103 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Sakulà – Tiểu III, 590

Sakulà – *Tiểu III, 590 (44)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm Bà-la-môn, ở Sàvatthi, tên là *Sakulà*. Khi đức Phật nhận tinh xá Jetavana, nàng trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, nàng phát nguyện xuất gia, tinh cần **triển khai thiền quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Về sau tùy theo lời phát nguyện, nàng được Thế Tôn tán thán là **Thiên nhãn đệ nhất**. Sau khi suy tư đến kết quả chứng của mình, nàng phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

97. *Khi sống ở gia đình,
Nghe Tỷ kheo thuyết pháp,
Ta thấy pháp vô uế,
Đạo Niết-bàn bất tử.*

98. *Từ bỏ con trai, gái,
Cả tài sản lúa gạo,
Cạo tóc ta xuất gia,
Sống đời sống không nhà.*

99. *Ta làm người học nữ,
Tu tập con đường chánh,
**Đoạn tận tham và sân,
Đoạn từng lậu hoặc một.***

100. *Thọ giới Tỷ-kheo-ni,
Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Không uế, khéo tu tập.*

101. *Thấy các hàng ngoại diện,
Do nhân sanh biến hoại,
**Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Mát lạnh ta tịch tịnh.***

104 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Sielà – Tiểu III, 573

Sielà – *Tiểu III*, 573 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm **công chúa con vua nước Alavì**, tên là *Sielà*. Nàng cũng được biết với tên là Alavika (người nước Alavì).

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư cảm hóa được vua cha, làm lễ xuất gia cho vua và cùng đi đến Alavì. Sielà chưa lập gia đình, cùng đi với phụ vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ.

Về sau nàng xuất gia, **chuyên tu thiền quán** và cuối cùng nhờ thiện duyên tốt đẹp, nhờ trí tuệ được triển khai, nàng **nhập phục được thân hành, khẩu hành, ý hành** và chứng được quả A-la-hán.

Về sau trở thành một Trưởng lão Ni, nàng ở Sàvatthi. Một hôm, nàng đi ra khỏi Sàvatthi để nghỉ ban ngày tại Andhavana và ngồi dưới một gốc cây. **Ác ma** muốn phá sự an tịnh độc cư của nàng, dưới hình thức là một người lạ mặt, đến với nàng và nói như sau:

*57. Nàng sẽ không thoát khỏi,
Thoát ly khỏi đời này,*

*Như vậy hạnh viễn ly,
Nàng dùng để làm gì?
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Chớ dứt rút về sau.*

Rồi nàng suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn ngăn chặn ta không được hưởng Niết-bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A-la-hán. Vậy nay ta hãy làm cho nó mở mắt" và nàng nói lên bài kệ:

*58. Các **dục** giống gươm giáo,
Chém nát các **uẩn** ta,
Những dục mà người gọi,
Là lạc thú cuộc đời.*

*59. Ngày nay dục lạc ấy,
Với ta không hấp dẫn,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
*Khởi tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ Ác ma,
Người hãy biết như vậy,
Người chính là Ác ma,
Người đã bị bại trận.**

105 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Somà – Tiểu III, 575

Somà – Tiểu III, 575 (36)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sinh ra là con gái vị giáo sĩ của vua Bimbisàra. (Bình Sa Vương) và được đặt tên là *Somà*.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng trở thành một tín nữ, và về sau nàng xuất gia và nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Ở tại Sàvatthi, một ngày kia nàng đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. **Ác ma** đến và muốn phá sự an tịnh cô độc của nàng, tàng hình không cho nàng thấy và nói lên như sau:

*60. Địa vị khó chứng đạt,
Chỉ thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt.*

Rồi nàng cự lại Ác ma:

61-62. **Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khởi tối tăm mù mịt,
Đã bị làm tan nát.**
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma,
Ngươi đã bị bại trận.

106 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571

Sukkà – Tiểu III, 571 (34)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình quyền quý ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkà (Sáng Suốt).

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật ở trong gia đình của nàng và trở thành một tín nữ. Về sau nàng được nghe Dhammadinnà thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, nàng xuất gia với Dhammadinnà. Sau khi tu **thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được năm trăm Tỷ-kheo-ni đoanh vây, nàng trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khất thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tinh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại đây Sukkà thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng, **thuyết hay cho đến nổi** các Tỷ-kheo-ni như cảm thấy được nhận từ nàng, những đường mật ngọt ngào, thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng nhiệt tâm tín thành. Rồi một **vị thần cây**, đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng,

nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng và nói như sau:

54. *Hỡi này người Vương Xá,
Các người đã làm gì?
Giống như người nằm mê,
Bị say vì uống mật!
Các người không hầu hạ,
Sukkà thuyết lời Phật.*

55. *Chúng tôi nghĩ bậc trí,
Uống được nước cam lồ,
Dòng nước thật thuần tịnh,
Không gì chướng ngại nổi,
Chẳng khác kẻ đi đường,
Đón nhận nước trời mưa.*

Khi nghe thần cây nói vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe nàng thuyết pháp.

Sau một thời gian, vào cuối cuộc đời khi nàng đang sửa soạn để từ giã cuộc đời. Nàng muốn nói lên pháp môn nàng dạy đưa đến giải thoát như thế nào, **nàng tuyên bố như sau về chánh trí của nàng.**

56. *Hỡi này nàng Sukkà!*

*Người con của ánh sáng!
Được ly tham định tĩnh,
Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
Hãy mang thân cuối cùng,
Sau khi thấy ma quân.*

107 Quán - Thiên quán và chứng quả - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bỏn phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.*

Khi nàng ở trong đình Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Vội hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

*458. Sao con ưa tái sanh,
Với thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

*459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

*460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

*461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sửng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Ngạ quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.

Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, từng vấn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví gươm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương găm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như gươm, như cọc,
Bệnh tật và cục bứu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lời,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nấm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Với tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sầu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

108 Quán - Thiên quán và chứng quả - Kinh Ubirì – Tiểu III, 569

Ubirì – Tiểu III, 569 (33)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình khá giả quyền quý. Nàng rất đẹp và sanh được người con gái rất đẹp, đặt tên là Jivà.

Vua thấy đứa con gái rất lấy làm hài lòng và đưa nàng lên làm hoàng hậu. Nhưng rồi đứa con gái Jivà bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa để than khóc.

Một hôm nàng đi đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng rồi nàng đi ra bên sông Aciravàti và đứng than khóc. Bậc Đạo Sư thấy vậy liền đến với nàng và hỏi:

- *Tại sao nàng khóc?*

Nàng đáp:

- *Bạch Thế Tôn, con khóc đứa con gái của con.*

Thế Tôn nói:

- *Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của nàng bị thiêu. Vậy nàng khóc than cho ai!*

Rồi chỉ cho nàng thấy chỗ đất các người bị chết, **Thế**
Tôn nói lên bài kệ:

51. *Hỡi nàng Ubirì,
Nàng khóc trong rừng sâu,
Khóc than ôi Jivà,
Con gái thân của tôi,
Hãy tự mình hồi tỉnh,
Hỡi này Ubirì!
*Trong bãi đốt thân này,
Tất cả tám vạn tư,
Người đồng tên Jivà,
Nàng khóc Jivà nào?**

Nàng suy tư với trí tuệ, trên pháp bậc Đạo Sư dạy.
Nhờ **thiền quán** tác động, những lời dạy tốt đẹp của
bậc Đạo Sư, và với tự mình đạt được những điều kiện
cần thiết nàng chứng được quả cao nhất, cho đến quả
A-la-hán, và trình bày quả vị tối thượng nàng đạt
được, nàng nói lên nửa bài kệ sau:

52. *Mũi tên khó nhìn thấy,
Đâm dính nơi tâm ta,
Chắc chắn đã được Ngài,
Nhỏ lên khỏi tâm ta,
Sâu muợn vì con gái,
Đã được chấm dứt hẳn.*

*53. Nay mũi tên được nhỏ,
Mọi ham muốn lắng dịu,
Ta đi đến quy y,
Bậc Mâu-ni ẩn sĩ,
Quy y Ba ngôi báu,
Phật, Pháp và chúng Tăng.*

109 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Upàli – Tiểu III, 203

Upàli – Tiểu III, 203 (180)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là Upàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng Anupiyà.

Khi ngài nhận một đề tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: *"Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thục cả về **kinh học và thiền quán**".* Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu **thiền quán** và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả **Luật tạng**. Về sau, khi Upàli được Thế Tôn khen vì Upàli đã phán quyết trong ba trường hợp về *Ajjuka*, về *Tỷ-kheo Kurukacchaka* và *Kumàra-Kacapa*, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bốn Pàtimokkha, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.

249. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.

250. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xưng.

110 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624

Vijjaya – Tiểu III, 624 (57)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành **bạn của Khemà**, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ.

Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: "**Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta**". Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, **khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp.**

Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập **thiền quán** và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

*169. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tình xá,
Tâm không được an tịnh,
Không chế ngự được tâm.*

170. Ta đến Tỳ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **giới** và về **xứ**.

171. **Bốn sự thật bậc Thánh,**
Về **các căn, các lực,**
Giác chi, Tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.

172. **Nghe lời vị ấy dạy,**
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.

173. Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám tan tàn.

174. Từ đây ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khởi si ám tan tàn.

111 Quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Vàsitthi – Tiểu III, 611

Vàsitthi – *Tiểu III*, 611 (51)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh làm con một nhà quyền quý ở Vesàli. Khi nàng lớn, nàng được gả cho một người chồng tương xứng và nàng sống vui vẻ với người chồng.**

Khi có được đứa con, mới tập chạy, **nó chết đi** và nàng quá đau khổ vì đứa con chết. Khi các người bà con chữa bệnh cho chồng, **nàng bỏ trốn** và lang thang khắp đó đây cho đến khi nàng đến Mithilà.

Tại đây, nàng thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự chế, làm chủ các căn. Khi thấy bậc Đạo Sư và nhờ Phật lực nàng lấy lại được sự bình tĩnh. Rồi bậc Đạo Sư thuyết pháp vắn tắt cho nàng, và nàng xin được xuất gia và bậc Đạo Sư chấp nhận. Làm tất cả các bốn phận của mình, nàng an trú vào **thiền quán**, và với sự cố gắng vượt bậc, với trí tuệ chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình:

133. Ta sầu muộn vì con,
Khổ, tâm cuồng tưởng loạn,
Lỗ thể, tóc rối ren,
Đời sống vậy, ta sống.

134. Lang thang đường, đống rác,
Nghĩa địa, đường xe đi,
Ba năm ta đã sống,
Kham khổ, chịu đói khát.

135. Rồi ta thấy Thiện Thệ,
Đến thành Mi-thi-la,
Điều ngự kẻ chưa điều,
Bậc Giác Ngộ, vô úy.

136. Lấy lui tâm bình tĩnh,
Ta đánh lễ đến gần.
Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.

137. Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Tùy hành lời Đạo Sư,
Ta chứng đạo an ổn.

138. Mọi sầu muộn chặt đứt,
Đoạn tận, được chấm dứt,

*Ta liễu tri nền gốc,
Từ đây sâu muện sanh.*

112 Quán - Thiền quán và chứng quả vào ngày thứ bảy - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của *Sela* và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi *Sela* với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, *Sela* cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh

niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,

*Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.*

*822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.*

*823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!*

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

*824. Sela, Ta là vua!
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.*

Phạm chí Sela nói:

*825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.*

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,*

Hỡi này Bà-la-môn.

*830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

*831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.*

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thưa rằng:

*832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rử rống trong rừng!*

*833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.*

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỳ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sự, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán** và **chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. Kính bạch bậc Pháp nhãn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.

839. Ngài là bậc Giác giả,

*Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

113 Quán - Thiền quán về sự nguy hiểm của các dục và chứng quả - Kinh Eraka – Tiểu III, 100

Eraka – Tiểu III, 100 (93)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka.

Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là **đời sống cuối cùng** nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư.

Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, **nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh.**

Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài **rất hối hận sở hành của mình** khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,*

*Khổ thay là các **dục**!
Hỡi này Ê-ra-ka,
Không lạc là các **dục**!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
*Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.*
Hỡi này Ê-ra-ka!
*Hãy biết là như vậy.**

114 Quán - Thiền quán, chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189

Anganika Bhàradvāja – *Tiểu III*, 189 (170)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *Anganika Bhàradvāja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát.

Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. **Từ bỏ tà khổ hạnh**, ngài **xuất gia**, tu tập **thiền quán**, và sau một thời gian chứng được **sáu thắng trí**.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: **"Thưa Tôn giả Bhàradvāja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn,**

và chấp nhận giáo hội này?" Ngài nêu rõ, ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.

220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phần khởi.

115 Quán - Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc**.**

456. **Phàm phu **tâm** say đắm,
Chạy theo hưởng **nữ sắc**,
Tăng **ngã** địa **hải** hùng,
Chất chứa sự tái sanh.**

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

116 Quán - Triển khai thiền quán khi mẹ đủ về - Kinh Atuma – Tiểu III, 84

Atuma – Tiểu III, 84 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là *Atuma*.

Khi ngài lớn lên, mẹ ngài tìm cho ngài một người vợ và hỏi ý kiến bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình.

Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, mẹ ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

*72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Vấn đề đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.*

Khi ngài đang đứng nói chuyện với mẹ ngài, ngài **triển khai thiền quán**, từ bỏ các cấu uế, trở thành vị A-la-hán.

117 Quán - Triển khai thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83

Vacchapàla – *Tiểu III, 83* (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và *Vacchapàla*.

Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của *Uruvela Kassapa* trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia.

Chỉ trong một tuần, ngài **triển khai thiền quán** và chứng **sáu thắng trí**.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

*71. Nếu thấy được **sự thật**,
Thật vi diệu, vi tế,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sống rập theo giới luật,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,*

Chúng được không khó khăn.

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

118 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiền quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

119 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

120 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

121 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636

Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở thành phố Bhàrukaccha, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được một người con, đặt tên là Vaddha và nàng được biết là mẹ Vaddha.

Nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, nàng trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con. Nàng đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia. Vaddha đi thăm mẹ, đi một mình vào tinh xá Tỷ-kheo-ni và bị mẹ khiển trách như sau:

204. *Vaddha, chớ bao giờ,
Roi vào côi tham dục,
Này con, chớ chia phần,
Trong đau khổ liên tục.*

205. *Hạnh phúc là ẩn sĩ,
Không tham, nghi đoạn tận,
Sống mát lạnh, chế ngự,
Không còn các lậu hoặc.*

206. *Ấn sĩ ấy hành trì,
Con đường đạt chánh kiến,
Chấm dứt sự khổ đau,
Vaddha! Hãy tiến tu.*

Rồi Vaddha suy nghĩ: "Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-hán", nên nói như sau:

207. *Với tự tín mẹ nói,
Mục đích này cho con,
Mẹ thân! Con nghĩ rằng,
Mẹ không còn tham dục.*

Rồi vị Trưởng lão Ni trả lời, nêu rõ trách nhiệm của mình đã làm xong:

208. *Vaddha! Phàm hành gì,
Thấp, cao hay bậc trung,
Một tí nhỏ tham dục,
Không có ở nơi ta.*

209. *Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Không phóng dật, **thiền tu**,
Ba minh đã đạt được,
Làm xong lời dạy.*

Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn đi vào tinh xá, ngồi trên chỗ mình thường ngồi, **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, Vaddha đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

210. *Vi diệu thay, mẹ ta,
Khích lệ, thúc đẩy ta,
Những kẻ thuộc **chân đế**,
Với lòng từ thương tưởng.*

211. *Ta nghe lời mẹ dạy,
Lời giáo giới mẹ hiền,
Ta hành pháp cảm kích,
Đạt an ổn khổ ách.*

212. *Ta tinh tấn tinh cần,
Ngày đêm không biếng nhác,
Được mẹ khéo khích lệ,
Ta chứng tịnh tối tợ.*

122 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III, 94 (84)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

123 Quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài**, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,
Hơn bất hạnh chúng tôi.*

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.

Rồi vị Tỷ-kheo, như con ngựa hay được thúc đẩy, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

124 Quán - Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74

Pakkha – *Tiểu III, 74* (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành Devadahi, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên Sangmoda.

Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là **Pakkha (vị què quặt)** và giữ lại tên ấy.

Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng.

Một hôm vào làng khát thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con **diều hâu** ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con diều hâu khác bay theo đành cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "**Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ**". Ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

*63. Chúng rơi theo, sà xuống,
Cái đang bị rơi xuống,
Với lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bốn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Với an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.*

125 Quán - Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe ***một pháp*** và chỉ nghe ***một mình*** mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savaniya (vì được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

*67. Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

126 Quán - Trời mát, tâm định, thiền quán, chứng quả - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, **tâm** ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

211. Những chim công kêu hót,

Mào đẹp, lông đuôi xinh,
Vớ cổ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Vớ khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiện tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, **chứng quả A-
la-hán**. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

127 Quán - Tâm quan trọng của quán - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

*331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

*333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.*

128 Quán - Đề tài Quán bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chon chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

129 Quán - Đề tài thiền quán - Bốn Sự Thật - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

Punnamàsa – Tiểu III, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

130 Quán - Đề tài thiền quán - Bốn sự thật - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu **quán trên vô thường,**
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các **Giác chi,**
Thần túc, căn và lực,
Tu **Chánh đạo Tám ngành,**
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

131 Quán - Đề tài thiền quán - Bộ xương người - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tướng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,*

Mau đoạn tận dục tham.

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

132 Quán - Đề tài thiền quán - Giới hạnh - Kinh Ujiaya – Tiểu III, 58

Ujiaya – Tiểu III, 58 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn theo truyền thống.

Lớn lên và giỏi về ba tập Vệ-đà, ngài thấy không có cốt tủy. Với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến rừng Trúc nghe Thế Tôn giảng và xuất gia, **thiền tư về giới hạnh** trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Thế Tôn đánh lễ ngài, ngòì xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đề cập đến chánh trí của ngài:

*47. Đánh lễ Phật, anh hùng,
Ngài giải thoát mọi chỗ,
Trong nếp sống của ngài,
Gồm cả phần giáo điển,
Con sống không lậu hoặc,
Không còn bị trói buộc.*

133 Quán - Đề tài thiền quán - Giới luật - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32

Cittaka – Tiểu III, 32 (22)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, *Cittaka* đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lựa **giới luật làm đề tài tu tập**, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với **thiền quán khai triển**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

*22. Chim công, màu xanh biếc,
Cổ đẹp, có màu tươi,
Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thức dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.*

134 Quán - Đề tài thiền quán - Giới luật - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tặng trưởng hạnh viên ly.*

135 Quán - Đề tài thiền quán - Giới luật - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,*

Nhiếp phục con voi rừng.

Nhờ làm vậy, thiên quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

136 Quán - Đề tài thiền quán - Nghĩa địa - Kinh Mahàkàla – Tiểu III, 145

Mahàkàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahàkàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên **chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán** và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

137 Quán - Đề tài thiền quán - Sự kiện về con bò - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158

Nandaka – Tiểu III, 158 (147)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campà trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: "Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?"

Bharata chứng ngay **sáu thắng trí**, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiền quán, chỉ có thể thực hành.

Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiền quán.

Có một đoàn lễ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cỡi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Nay em *Nandaka*, em có thấy hiện tượng ấy không?

- Thừa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: "Như con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh, ta cần phải tự lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh!".

Dùng sự kiện này là một **đề tài thiền quán**, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quỵ xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.

174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ **chánh kiến**,
Khéo tu luyện thuần thực,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.

138 Quán - Đề tài thiền quán - Sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – *Tiểu III, 89 (79)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhổ lên,

*Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

139 Quán - Đề tài thiền quán - Thân bất tịnh - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16

Sıla Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

140 Quán - Đề tài thiền quán là Giới hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

*331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

*333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.*

141 Quán - Đề tài thiền quán là Hàm răng - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,

Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.

467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.

468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.

469. *Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.*

470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.

471. Không biết được phần trong,

*Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lời cuốn.*

*472. Quán trí được phân trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chướng ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

142 Quán - Đệ nhất thiên quán - Trưởng lão ni - Kinh Khemà – Tiểu III, 613

Khemà – Tiểu III, 613 (52)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sàgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemà. Nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu Vua Bimbisàra.

Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm), nàng không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn nàng đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng nàng bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thế Tôn, nhưng muốn nàng thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giả tinh xá nhưng không gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng.

Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mắt nàng, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc quạt. Khemà thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình

có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của nàng bèn nói lên bài kệ:

*Người đắm say các dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi kế không màng.
(Pháp cú, 347)*

Tập Sớ ghi chép, khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập Apadàna, nàng chỉ mới chứng quả, Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, nàng xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, nàng tu tập thiền quán, có danh tiếng về môn tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hạng **thiền quán đệ nhất**.

Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, **Ác ma** hiện lên, dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

*139. Nàng vừa trẻ vừa đẹp,
Ta vừa trẻ vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Hãy vui hưởng, Khemà.*

Nàng trả lời:

140. *Với thân hôi thối này,
Bệnh hoạn và mong manh,
Ta nhàm chán ghét bỏ,
Dục ái đã nhổ lên.*

141. *Dục ví như gươm giáo,
Các uẩn đoạn đầu đài,
Điều người nói dục lạc,
Nay ta đã xa lìa.*

142. *Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khối si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.*

143. *Ngươi đánh lễ vàng sao!
Ngươi thờ lửa rừng sâu,
Ngươi không biết như thật,
Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.*

144. *Còn ta, ta đánh lễ,
Bậc Giác ngộ, Thượng nhân,
Giải thoát mọi khổ đau,
Hành lời Đạo Sư dạy.*

143 Quán Bất Tịnh - Kinh Ba Mươi Hai Phần - Tiểu I, 10

Ba Mươi Hai Phần – Tiểu I, 10 (Dvattimsàkàra)

Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, chất nhờn ở khớp, nước tiểu và não trong đầu.

144 Quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516

Vangisa – Tiểu III, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán số người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

***Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

***Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia

rồi dạy cho **quán** ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185) và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về thuyết pháp**. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi **bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp**, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. Vớỉ ta ã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắn cung thiện xảo,
Thượng sanh giỏi cung pháp,
Ngàn người bắn khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.

1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.

1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.

II

Được nói khi **nhiep phục các cảm thọ của mình như
sân hận v.v...**

1214. Ta bỏ lạc bát lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.

1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiếu vậy, sống liễu tri.

1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.

1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phàm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Tỷ-kheo.

1219. Vẹn toàn, tâm thường định,
Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chứng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.

III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

1219. *Đệ tử Gotama,
Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.*

1220. *Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

1221. *Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

1222. *Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,*

*Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với minh, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại **bị kích thích và tham dục khởi lên**. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

**1223. *Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,
Pháp tiêu diệt lửa hừng.***

Và Tôn giả Ananda trả lời:

**1224. *Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,***

*Hãy từ bỏ tịnh tướng,
Hệ lụy đến tham dục.*

*1225. Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,
Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

1228. *Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là ái ngữ.*

1229. *Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.*

1230. *Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.*

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. *Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phất đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.*

1232. *Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,*

*Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.*

*1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,
Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.*

VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**
(Tự Tứ):

*1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.*

*1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.*

*1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,*

Sát hại được tử thần,
Những vị này hầu hạ,
Bạc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.

1237. Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đánh lễ,
Bạc nhớ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bạc dòng họ Mặt Trời.

VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết **vô cấu pháp**,
Niết-bàn **vô bố úy**.

1239. Họ nghe pháp rộng lớn,
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,

Chúng Tỷ-kheo vây quanh.

*1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,
Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.

- Vậy nay Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

1242. *Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.*

1243. *Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bậc lưu nguy hiểm,
Chính trên **pháp bất tử**,
Được ngài thường tuyên thuyết,
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thoái chuyển.*

1244. *Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.*

1245. *Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,*

*Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,
Hãy đánh lễ, tu học.*

IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả *Annà Kondannà*** (An-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên đề **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

*1252. Như **mặt trăng** giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.*

XII

Nói lên khi **ngài mới chứng quả A-la-hán**, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

*1253. Thuở trước ta mê **thor**,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác,
Đạt bờ kia mọi pháp.*

1254. Nghe pháp, ta tín thành,
Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về **UẨN, XỨ VÀ GIỚI**
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,
Ngài thấy luật chi phối
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
BỐN SỰ THẬT khéo thuyết,
Bởi vị có con mắt,
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo TÁM NGÀNH,
Đưa đến khổ an chỉ.

*1260. Như vậy là những điều,
Được nói lên như thật,
Và ta được thấy họ,
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.*

*1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.*

*1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt **Ba minh**, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.*

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

*1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng,
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,*

*Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.*

*1264. Nigrodha Kappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.*

*1265. Bạch Thích-ca, chúng con,
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhân biến tri!
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.*

*1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?**
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,*

*Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.*

*1267. Phàm những cột gút gù,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối thắng,
Giữa cặp mắt loài người.*

*1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới tháp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.*

*1269. **Bậc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,**
Con xem ngài như vậy
Ồi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiện quán,*

*Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!*

*1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Giương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.*

*1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.*

*1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,*

*Chớ làm con si ám,
Bạc trí tuệ tối cao!*

*1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bạc tình tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!*

*1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uổng phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.*

Thế Tôn:

*1275. **Vị ấy trên danh sắc,**
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,*

*Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,
Bậc tối thắng thứ năm.*

Vangisa:

*1276. Nghe vậy, con tịnh tín,
Vời lời nói của ngài,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.*

*1273. Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thần chết xảo quyết.*

*1278. Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.*

1279. Ngài lớn hơn chư Thiên,

*Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bạc tôi thượng hai chân,
Bạc Hậu duệ, Đại hùng!
Bạc Long tượng đích tôn.*

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

145 Quán bất tịnh - Ai sống quán bất tịnh, Khéo hộ trì các căn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32

Phẩm Song Yếu – *Tiểu I*, 32

1. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo".

2. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình".

3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi"
**Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.**

4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,

Nó thắng tôi, cướp tôi,"
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.

5. "Vói hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu".

6. "Người khác không hiểu biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,
Không hộ trì các căn,
Ăn uống thiếu tiết độ,
Biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
Như cây yếu trước gió".

8. "Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà sa ".

10. "Ai rời bỏ uế trước,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chơn thực,
Thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,
Chân thật, thấy không chân
Họ không đạt chân thật
Do tà tư tà hạnh.

12. "Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân.
Chúng đạt được chân thật,
Do chánh tư, chánh hạnh."

13. "N^{hư} ng^{ôi} nh^à v^{ụng} l^ộp,
M^{ưa} li^{ền} x^{âm} nh^{ập} và^o.
C^{ũng} v^{ậy} t^{âm} kh^{ông} tu,
Th^{am} d^{ục} li^{ền} x^{âm} nh^{ập}."

14. "N^{hư} ng^{ôi} nh^à kh^{éo} l^ộp,

Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập."

15. "Nay **sầu**, đòi sau sầu,
Kẻ ác, hai đòi sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm."

16. "Nay **vui**, đòi sau vui,
Làm phước, hai đòi vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17. "Nay **than**, đòi sau than,
Kẻ ác, hai đòi than,
Than rằng: "Ta làm ác "
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay **sướng**, đòi sauướng,
Làm phước, hai đòiướng.
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",
Sanh cõi lành,ướng hơn."

19. "Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,

Không phần Sa môn hạnh."

20. "Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh."

146 Quán bất tịnh - Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 407 (Tik.
IV, 6) (It. 80)

Này các Tỷ-kheo, hãy sống tùy quán bất tịnh trên thân, hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành.

Này các Tỷ-kheo,

- Khi sống tùy **quán bất tịnh** trên thân, thời tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ;
- Khi khéo an trú **niệm hơi thở** vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có.
- Khi sống tùy **quán vô thường** trong tất cả hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên.

**Quán bất tịnh trên thân,
Niệm thở vô thở ra,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Thường nhiệt tâm, chánh kiến,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đã thấy rất chơn chánh,**

*Từ đây ở nơi đây,
Vị ấy được giải thoát,
Thắng trí được thành tựu,
Lắng dịu thật an tịnh,
Vị ân sĩ như vậy,
Chắc vượt khỏi ách nạn.*

147 Quán bất tịnh - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một vua bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

148 Quán bất tịnh - Gương nhiếp phục dục - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **dục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi *nhạc phụ* của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang **điểm thật đẹp** mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời

sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **đục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,**
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,**
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,**
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc.**

456. **Phàm phu **tâm** say đắm,**
Chạy theo hưởng **nữ sắc,**
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.

457. **Ai tránh né **nữ sắc**,**
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,

Kẻ đầu độc thế giới.

458. **Thấy nguy hiểm** trong **dục**,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.

149 Quán bất tịnh - Hãy từ bỏ tịnh tướng, Tu tập tâm bất tịnh - Kinh Ràhula - Tiểu I, 571

Kinh Ràhula – Tiểu I, 571 (Sn 58)

Thế Tôn:

335. *Thường chung sống người hiền,
Thầy có khinh miệt không?
Người cầm đuốc loài Người,
Được Thầy tôn trọng không?*

Ràhula:

336. *Thường chung sống người hiền,
Con không có khinh miệt.
Người cầm đuốc loài Người,
Thường được con tôn trọng.*

Thế Tôn:

337. *Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Khả ái và đẹp ý,
Với lòng tin xuất gia,
Hãy trở thành con người,*

Làm chắm dứt khổ đau.

338. Thân cận với **bạn lành**,
Sống trú xứ xa vắng,
Viễn ly không ồn ào,
Hãy tiết độ ăn uống.

339. Y áo, đồ khát thực,
Vật dụng và sàng tọa,
Chớ có tham ái chúng,
Chớ trở lui đời này.

330. Chế ngự trong giới bốn,
Phòng hộ trong năm căn,
Hãy tu tập **niệm thân**,
Sống với nhiều nhàm chán.

341. Hãy từ bỏ tịnh tướng,
Hệ lụy với tham ái,
Tu tập tâm bất tịnh,
Nhất tâm, khéo định tĩnh.

342. Hãy tu tập **vô tướng**,
Bỏ đi **mạn** tùy miên,
Do nhiếp phục kiêu mạn,
Ngươi sẽ sống an tịnh.

Như vậy, Thế Tôn thường giáo giới Tôn giả Ràhula với những bài kệ này.

150 Quán bất tịnh - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

151 Quán bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – *Tiểu III*, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **đục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chon chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

152 Quán bất tịnh - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài *Sàriputta* (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tỉnh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cám dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

*May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!*

*1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vói vú bị ung nhọt,
Thân Ngươi, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.*

*1153. **Thân** Ngươi, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.*

*1154. Nếu người khác biết Ngươi,
Như ta biết được Ngươi,
Người ấy tránh xa Ngươi,
Như khi **mưa tránh phân.***

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

*1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:*

*Ở đây, có kẻ đấm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lòng tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tới hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài khuyến giáo người cháu của *Sàriputta*, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

*An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,*

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

*1169. Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

*1170. Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

*1171. Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

*1172. Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

*1173. Chớ có đến tán công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. Hãy xem Tôn giả này,
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. **Có nhiều chư Thiên này,**
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc trắng chết**,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
N như voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **danh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tỳn được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. *Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.*

1200. Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. **Cũng vậy này Ác-ma,**
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. **Ác ma tạo ác nghiệp,**
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. **Điều ác Ác ma làm,**

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

153 Quán bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – *Tiểu III, 215* (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gớm thay, vật hôi thối!
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,
Ứ chảy nhiều dòng nước,*

***Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.***

154 Quán bất tịnh - Kinh Sila Vaniya – Tiểu III, 16

Sila Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmiya*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

155 Quán bất tịnh - Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526

Kinh Thắng Trận – *Tiểu I*, 526 (Sn 34)

193. *Hoặc là đi hay đứng,
Hoặc là ngồi hay nằm,
Hoặc co tay, duỗi tay,
Như vậy, thân dao động.*

194. *Ràng buộc với xương gân,
Trét thoa với da thịt,
Thân được da che đây,
Như thật không thấy rõ.*

195. *Trong một bụng chứa đầy,
Cục gan, và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi,
Cả thận, và tỳ tạng.*

196. *Nước mũi, và nước miếng,
Mồ hôi, và nước mỡ,
Máu, và nước khớp xương,
Mật, và bạch huyết cầu.*

197. *Từ **chín** nguồn nước này,*

*Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ mắt, đồ bắn chảy,
Từ tai, đồ bắn chảy.*

198. *Nước mũi từ lỗ mũi,
Từ miệng, có khi chảy,
Chảy mặt, và niêm dịch,
Từ thân, mồ hôi bắn.*

199. *Trong đầu thật trống rỗng,
Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn,
Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.*

200. *Khi bị chết nằm xuống,
Phồng lên, và xanh bầm,
Quăng bỏ trong nghĩa địa,
Bà con không đoái hoài.*

201. *Chó, dã can đến ăn,
Chó sói, các côn trùng,
Quạ, diều hâu đến ăn,
Còn có hữu tình khác.*

202. *Được nghe lời Phật dạy,
Tỷ-kheo có trí tuệ,
Vị ấy liễu tri thân,*

Thấy thân đúng như thật.

203. Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Đối với thân trong ngoài,
Từ bỏ mọi lòng dục.

204. Từ bỏ lòng tham dục,
Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Chứng bất tử, tịch tịnh,
Niết-bàn giới thường trú.

205. Thân này với hai chân,
Bất tịnh và hôi thúi,
Đầy xác chết, chảy nước,
Lại được giữ, nâng niu.

206. Với thân thể như vậy,
Ai lại nghĩ đề cao,
Hay khinh miệt kẻ khác,
Trừ kẻ không thấy gì.

156 Quán bất tịnh - Trưởng lão ni - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584

Sundarì Nandà – Tiểu III, 584 (41)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc **đồng họ Thích-ca. Được tên là Nandà**. Nàng có danh là Nandà hoa khô.

Khi bậc Thế Tôn giác ngộ, đi đến Kapilavatthu và độ cho Nandà và Rahula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahàpajàpati xuất gia, nàng Nandà tự nghĩ: "Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là Rahula cũng xuất gia, anh của ta vua Nandà cũng xuất gia. Mẹ của ta, Mahàpajàpati, chị của ta, mẹ Rahula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia". Như vậy nàng **xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình**.

Nàng xuất gia như vậy sau khi từ bỏ gia đình, nàng **vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình** và **không** chịu đến yết kiến đức Phật, sợ đức Phật quả trách nàng.

Nhưng trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirùpa Nandà (xem kệ XIX) với sự sai khác nhau: khi nàng thấy **hóa thân của một**

nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiền định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho nàng như sau:

82. *Nandà, hãy nhìn thân,
Bệnh, **bất tịnh**, hôi thúi,
**Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm khéo định tỉnh.***

83. *Như thân này thân ấy,
Như thân ấy thân này,
Hôi thối và rữa nát,
Chỉ kẻ ngu thích thú.*

84. *Như vậy quán thân này,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Với trí tuệ của con,
Do vậy hãy thoát ly,
Với trí tuệ của con,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Và người si nhìn thấy,
Với cái nhìn như thật.*

Rồi nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được

những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho nàng:
- *Này Nandà, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt, bị già, chết chi phối.* Như đã được nói trong tập Pháp cú:

**85. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng máu thịt,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.**
(Pháp Cú. 150)

Khi đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của đức Bốn Sư và nói thêm:

**86. Với tâm không phóng dật,
Như lý, quán thân ấy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân thể,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hệ,
Ta an bình tịch tịnh.**

157 Quán đục - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati **con gái vua Konca** và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, **cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vàranavati xem mắt nàng.** Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, **vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.**

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"**Bỏn phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia**"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và ***dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.***

Khi nàng ở trong đình Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Vội hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

*458. Sao con ưa tái sanh,
Vội thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

*459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

*460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

*461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sững sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dãi,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Ngạ quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.

Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, tình vẫn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví gươm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gặm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như gươm, như cọc,
Bệnh tật và cục bấu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lòng,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hôi táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nấm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Vời tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sầu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

158 Quán khổ - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bỏ phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.*

Khi nàng ở trong đình Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

*458. Sao con ưa tái sanh,
Vội thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

*459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

*460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

*461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sững sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Cố gì là sầu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Ngạ quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.

Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, từng vấn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví guơm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gặm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như guơm, như cọc,
Bệnh tật và cục bứu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lòng,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nấm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chú tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Với tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sâu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

159 Quán khổ - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

160 Quán năm uẩn - Vòng sanh tử đoạn tận - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

161 Quán năm uẩn - Đoạn sanh tử luân hồi - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96

Pavittha – Tiểu III, 96 (87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ.

Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

*87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.*

162 Quán năm uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tặng trưởng hạnh viên ly.*

163 Quán sanh diệt của năm uẩn - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mồi

bờ ra cản chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bỗng đưa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rấn cản chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả toại, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: *"**Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng**".*

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "*Ôi Patacàra, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm **chỗ nương tựa**. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống **giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn**".* Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,*

*Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ*

*một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không
thấy được sự thật ấy":*

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hột giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

*114. Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,*

*Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

*115. Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.*

*116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

164 Quán sanh diệt trong năm uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tặng trưởng hạnh viên ly.

165 Quán sắc đẹp - Như bị lời trù yểm, Tuổi già đến áp đảo - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123

Kimliba – *Tiểu III*, 123 (118)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều.

Bậc Đạo Sư thấy được thiên quán của ngài chín mươi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già.

Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yểm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chớ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ **vô thường**, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhân mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

166 Quán thân - Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157

Punnamàsa – Tiểu III, 157 (146)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình vị điền chủ.

Khi sanh đưa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được **sáu thắng trí**. Ngài đi đến Sàvatthi đánh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa.

Rồi đưa con ngài chết và vợ ngài **không** muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia.

Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

*171. Từ bỏ năm triền cái,
Đạt an ổn khỏi ách,
Nắm giữ gương Chánh pháp,
Biết và thấy tự ngã.*

**172. Ta quán sát thân này,
Từ trong cho đến ngoài,
Thân được thấy trống không,
Trong thân cả ngoài thân.**

167 Quán thân - Thân được thấy trống rỗng, Chìm tối trong đêm đen - Kinh Vitāsoka – Tiểu III, 156

Vitāsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammāsoka (A-dục), được đặt tên là Vitāsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

*169. Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

**170. Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.**

168 Quán tánh vô thường của sự vật, thiền quán, chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. Rồi ta **tự tác ý**,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp **nhĩ** là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

169 Quán tâm từ - Kinh Từ Bi - Tiểu I, 506

Kinh Từ Bi – Tiểu I, 506 (Metta Sutta) (Sn 25)

143. Vị thiện xảo mục đích,
Cần phải làm như sau:
Sau khi hiểu thông suốt,
Con đường an tịnh ấy,
Có khả năng, trực tánh,
*Thật sự, khéo **chân trực,***
Để nói và nhu hòa,
Không có gì cao mạn.

144. Sống cảm thấy **vừa đủ,**
Nuôi sống thật dễ dàng,
Ít có sự rộn ràng,
Sống đạm bạc giản dị.
Các căn được tịnh lạc,
Khôn ngoan và thật trọng,
Không xông xáo gia đình,
Không tham ái, tham vọng.

145. Các sở hành của mình,
Không nhỏ nhen vụn vặt,
Khiến người khác có trí,
Có thể sanh chỉ trích.

Mong mọi loài chúng sanh,
Được an lạc, an ổn,
Mong họ chứng đạt được,
Hạnh phúc và an lạc.

146. Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài, hay kẻ lớn,
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ.

147. Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh
Sống hạnh phúc an lạc.

148. Mong rằng không có ai,
Lường gạt, lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào.
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối,
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.

149. *Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sanh.
Cũng vậy, đối tất cả,
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.*

150. *Hãy tu tập từ tâm,
Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.
Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy, cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch.*

151. *Khi đứng, hay khi đi,
Khi ngồi, hay khi nằm,
Lâu cho đến khi nào,
Khi đang còn tỉnh thức,
Hãy an trú niệm này,
Nếp sống này như vậy,
Được đời đề cập đến,*

Là nếp sống tối thượng.

152. *Ai từ bỏ tà kiến,
Giữ giới, đủ chánh kiến,
Nhiếp phục được tham ái,
Đối với các dục vọng,
Không còn phải tái sanh,
Đi đến thai tạng nữa.*

170 Quán vô thường - Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 407 (Tik. IV, 6) (It. 80)

Này các Tỷ-kheo, hãy sống tùy quán bất tịnh trên thân, hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành.

Này các Tỷ-kheo,

- Khi sống tùy **quán bất tịnh** trên thân, thời tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ;
- Khi khéo an trú **niệm hơi thở** vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có.
- Khi sống tùy **quán vô thường** trong tất cả hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên.

**Quán bất tịnh trên thân,
Niệm thở vô thở ra,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Thường nhiệt tâm, chánh kiến,
Vị Tỷ-kheo như vậy,**

*Đã thấy rất chon chánh,
Từ đây ở nơi đây,
Vị ấy được giải thoát,
Thắng trí được thành tựu,
Lặng dịu thật an tịnh,
Vị ân sĩ như vậy,
Chắc vượt khỏi ách nạn.*

171 Quán vô thường - Khuyến không nên phóng dật - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,*

*Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đông lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

172 Quán vô thường - Kinh Mahākāla – Tiểu III, 145

Mahākāla – *Tiểu III*, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākāla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, *một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể*, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

173 Quán vô thường - Như bị lời trù yểm, Tuổi già đến áp đảo - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123

Kimliba – *Tiểu III*, 123 (118)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều.

Bậc Đạo Sư thấy được thiên quán của ngài chín mươi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già.

Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yểm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chớ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ **vô thường**, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhân mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

174 Quán vô thường - Thời Đức Phật Sikhi - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188

Sandhita – Tiểu III, 188 (169)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là *Sandhita*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài **nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ**, và xin xuất gia với **trí tuệ chín muồi**, ngài an trú **thiền quán** và chứng đạt **sáu tầng trí**.

Nhớ đến đời sống trước của mình, **sau khi đức Phật Sikhi (Thi-khí) mệnh chung**. Ngài đánh lễ tại cây **Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường**, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

*217. Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.*

*218. Đã qua ba một kiếp,
Tưởng ấy ta không chứng,*

*Nay chính nhờ tướng ấy,
Ta đạt lậu hoặc diệt.*

175 Quán vô thường - Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – *Tiểu III*, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hỡi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị thấy rồi,
Từ nay, người không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,*

*Mọi tường vách đổ vỡ,
Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thối nát.*

176 Quán vô thường - Đêm ngày chạy, trôi qua, Mạng sống bị tổn giảm - Kinh Herannakàni – Tiểu III, 141

Herannakàni – Tiểu III, 141 (133)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một tay sai của vua Kosala và cầm đầu bọn cướp. Khi phụ thân ngài mất, ngài thừa tự chức vụ ấy.

Được cảm hóa khi chứng kiến lễ đức Phật tiếp nhận Jetavana (Kỳ Viên), ngài cho người em trai thế chức vụ. Ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tìm cách khuyên em ngài từ bỏ nghề cũ, và thấy em ngài thích thú nghề của mình, ngài khích lệ em với bài kệ như sau:

145. *Đêm ngày chạy, trôi qua,
Mạng sống bị tổn giảm,
Tuổi thọ người hủy diệt,
Như nước dòng suối con.*

146. *Kẻ ngu làm ác hạnh,
Không hiểu việc mình làm,
Về sau bị khổ đau,*

Khi ác nghiệp chín muồi.

Nghe lời khuyên của ngài, người em xin phép vua
nghỉ việc, xuất gia và không bao lâu được giải thoát.

177 Quán vô thường trên thân - Kinh Ambapàli – Tiểu III, 655

Ambapàli – Tiểu III, 655 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàli và được gọi là Ambapàli.

Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do **nghiệp lực** của nàng, nàng trở thành một **kỹ nữ**.

Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe **con nàng, tức là Trưởng lão Vimalakondanna** thuyết pháp, nàng **triển khai thiền quán về lý vô thường**, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. Đen như sắc con ong,
Tóc dài ta khéo uốn,
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,
Đúng như lời giảng dạy,

Của bậc nói sự thật.

253. Thơm như hộp ướp hương,
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

254. Như rừng khéo vun trồng,
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

255. Trang điểm với bện tóc,
Sáng chói nữ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói troc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

256. Trước **lông mày** của ta,
Chói sáng khéo tô vẽ,

*Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

257. **Mắt** ta xanh và dài,
*Sáng đẹp như châu báu,
Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

258. **Lỗ mũi** mềm và thon,
*Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

259. Trước **tai** ta sáng chói,
*Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhu chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

260. Trước **răng** ta sáng chói,

*Như búp nụ chuối hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bẻ gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

261. Ngọt là **giọng nói** ta,
*Như chim cu hót rìng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bẻ bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

262. Trước **cổ** ta chói sáng,
*Mềm đầy đặn nhu nhuyến,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngán và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

263. Trước **cánh tay** của ta,
*Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yết ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

264. Trước **bàn tay** của ta,
Mềm mại như cành hoa,
Sáng như nữ trang vàng,
Nay biến đổi vì già,
Như rễ cây khô cần,
Nhăn nhiu và thô nhám,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

265. Trước **vú** ta sáng chói,
Căng thẳng và tròn đầy,
Nay biến đổi vì già,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Như da không có nước,
Trống không, không căng tròn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

266. Trước **thân** ta chói sáng,
Như giáp vàng đánh bóng,
Nay biến đổi vì già,
Đầy vết nhăn nhỏ xíu,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

267. Trước **bắp vế** của ta,
Sáng chói như vôi voi,

Nay biến đổi vì già,
Giống như những ống tre,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

268. Trước **ống chân** của ta,
Mềm mại như vòng vàng,
Nay biến đổi vì già,
Chẳng khác gậy cây mè,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

269. Trước **chân** ta chói sáng,
Vội lông mềm như bông,
Nay biến đổi vì già,
Nứt nẻ đầy đường nhăn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

270. **Thân này là như vậy,**
Nay già chứa nhiều khổ,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Vội trét tường rơi xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của Bậc nói sự thật.

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. **Tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và phát triển tuệ quán** trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

178 Quán vô thường và đau khổ - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584

Sundarì Nandà – Tiểu III, 584 (41)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc **dòng họ Thích-ca. Được tên là Nandà**. Nàng có danh là Nandà hoa khô.

Khi bậc Thế Tôn giác ngộ, đi đến Kapilavatthu và độ cho Nandà và Rahula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahàpajàpati xuất gia, nàng Nandà tự nghĩ: "Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là Rahula cũng xuất gia, anh của ta vua Nandà cũng xuất gia. Mẹ của ta, Mahàpajàpati, chị của ta, mẹ Rahula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia". Như vậy nàng **xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình**.

Nàng xuất gia như vậy sau khi từ bỏ gia đình, nàng **vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình** và **không** chịu đến yết kiến đức Phật, sợ đức Phật quả trách nàng.

Nhưng trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirùpa Nandà (xem kệ XIX) với sự sai khác nhau: khi nàng thấy **hóa thân của một**

nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiên định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho nàng như sau:

82. *Nandà, hãy nhìn thân,
Bệnh, **bất tịnh**, hôi thúi,
**Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm khéo định tỉnh.***

83. *Như thân này thân ấy,
Như thân ấy thân này,
Hôi thối và rữa nát,
Chỉ kẻ ngu thích thú.*

84. *Như vậy quán thân này,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Với trí tuệ của con,
Do vậy hãy thoát ly,
Với trí tuệ của con,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Và người si nhìn thấy,
Với cái nhìn như thật.*

Rồi nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được

những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho nàng:
- *Này Nandà, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt, bị già, chết chi phối.* Như đã được nói trong tập Pháp cú:

**85. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng máu thịt,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.**
(Pháp Cú. 150)

Khi đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của đức Bốn Sư và nói thêm:

**86. Với tâm không phóng dật,
Như lý, quán thân ấy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân thể,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hệ,
Ta an bình tịch tịnh.**

179 Quán xác chết, bị dục khởi, nhiếp phục và chứng quả - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – *Tiểu III*, 230 (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Ràjagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Ràjadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. Thực hành hạnh đầu đà, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm

muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp. Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đôi tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khôn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trời.*

316. *Mau hơn cơm sôi trào,
Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giấc,
Ta đến, ngồi một bên.*

317. ***Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

318. *Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba mình chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

180 Quét rác - Trưởng lão Sunìta - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được tám thiền chứng và năm thắng trí. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được thắng trí thứ sáu.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài **rống tiếng con sư tử** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghê ta rất hèn hạ,

Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,**
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

181 Quạt - Cầm một cái quạt có sơn màu và thuyết pháp - Kinh Sirimitta – Tiểu III, 302

Sirimitta – Tiểu III, 302 (230)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con của một điền chủ giàu có, được đặt tên là *Sirimitta*.

Mẹ ngài là chị của Sirigutta. Nay Sirimitta, cháu của Sirigutta tìm được lòng tin đối với bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla. Rồi ngài xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, từ chỗ ngồi đứng dậy để tụng học giới bốn Pàtimokkha, ngài cầm một cái quạt có sơn màu, rồi ngồi xuống, ngài thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, và làm như vậy, ngài làm nổi bật những đức tánh khác như sau:

**502. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đời sau, không ưu sầu.**

503. Không phẫn nộ, không hận,

*Không gian, không hai lười,
Tỷ-kheo **thường hộ căn**,
Đời sau không ưu sầu.*

*504. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lười,
Tỷ-kheo **giữ thiện giới**,
Đời sau, không ưu sầu.*

*505. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lười,
Tỷ-kheo **thiện bằng hữu**,
Đời sau không ưu sầu.*

*506. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lười,
Tỷ-kheo **thiện trí tuệ**,
Đời sau, không ưu sầu.*

Sau khi thuyết giảng về phần nộ, hận... ngài nói đến **con đường siêu thoát**, diễn tả thái độ chơn chánh của từng cá nhân, như vậy chứng nhận chánh trí của mình:

*507. Với ai tin Như Lai,
Không dao động, thiện trú,
Với ai, nếp giới hạnh,*

*Được thiện nhân tán thán,
Được bậc Thánh tùy hỷ.*

*508. Với ai, có tín thành,
Đối với chúng Tăng già,
Có tri kiến chánh trực,
Họ nói về người ấy:
Vị ấy không nghèo đói,
Đời sống không trống rỗng.*

*509. Vậy nên bậc Hiền trí,
Hãy chú tâm tín, giới,
Tịnh, tín, thấy đúng pháp;
Vào cốt tủy lời Phật.*

182 Quả Dự Lưu tối thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I*, 65

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vong ngữ,

Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

183 Quở trách - Làm biếng bị Phật quở trách - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49

Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu**.*

184 Quở trách do làm biếng, ngủ nhiều - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lăn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.